

Khoa kinh tế học
ĐH Kinh tế quốc dân
GIÁO TRÌNH MÔN KINH TẾ HỌC VI MÔ
Chương 2: Lý thuyết cung cầu

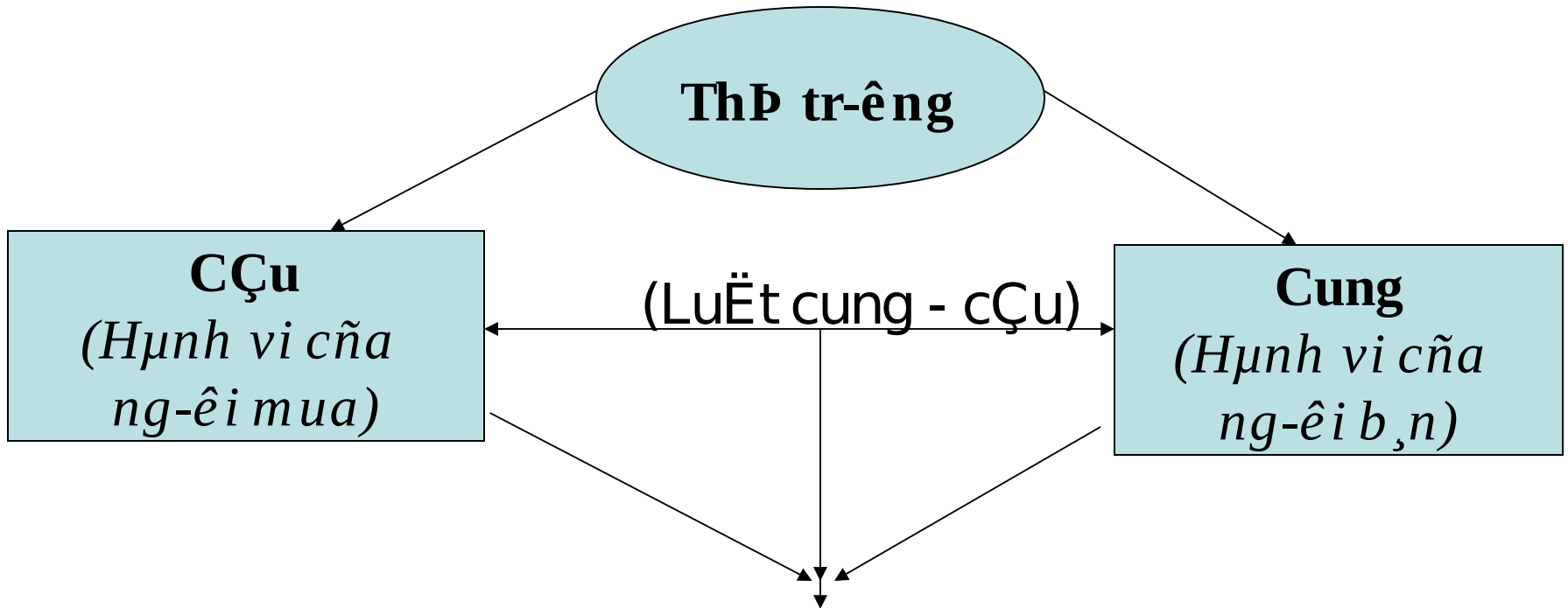
Thạc sĩ: Nguyễn Thị Thu



Chương 2

LÝ THUYẾT CUNG - CẦU

CUNG - CÇu



- Cân bằng và sự thay đổi trạng thái cân bằng
- Ảnh hưởng của các chính sách của chính phủ

I. Cầu

1. Một số kn
2. Các công cụ XD cầu
3. Luật cầu
4. Các nhân tố ảnh đến cầu
5. Phân biệt sự vận động và sự dịch chuyển của đường cầu

1. Một số kn

1. Cầu

2. Lượng cầu

3. Nhu cầu

4. Cầu cá nhân và cầu thị trường

CẦU – LƯỢNG CẦU

- Cầu về 1 loại H^2 là số lượng H^2 mà ng mua ***sẵn sàng và có khả năng mua ở*** các mức giá khác nhau trong một khoảng t nhất định. (Ceteris Paribus)
- Lượng cầu về 1 loại H^2 là số lượng H^2 mà ng mua ***sẵn sàng và có khả năng mua ở*** một mức P nhất định trong 1 khoảng t nào đó, (Ceteris Paribus).

BIỂU CẦU

*Cầu là tập
hợp của tất cả
các lượng cầu
ở mọi mức giá*

Giá(\$/tấn)	Lượng(tấn)
3	22
4	18
5	14
6	10
7	8

So sánh cầu – lượng cầu

- Cầu là một hàm của giá $Q^D = f(P)$ còn
Lượng cầu chỉ là một giá trị của hàm cầu
đó

Ví dụ:

có cầu một thị trường gạo: $Q^D = 15 - 3P$

thì lượng cầu ở mức giá $P = 3$,

$$\Rightarrow Q^D = 15 - 3.3 = 6$$

- Cầu là 1 đường còn lượng cầu chỉ là 1

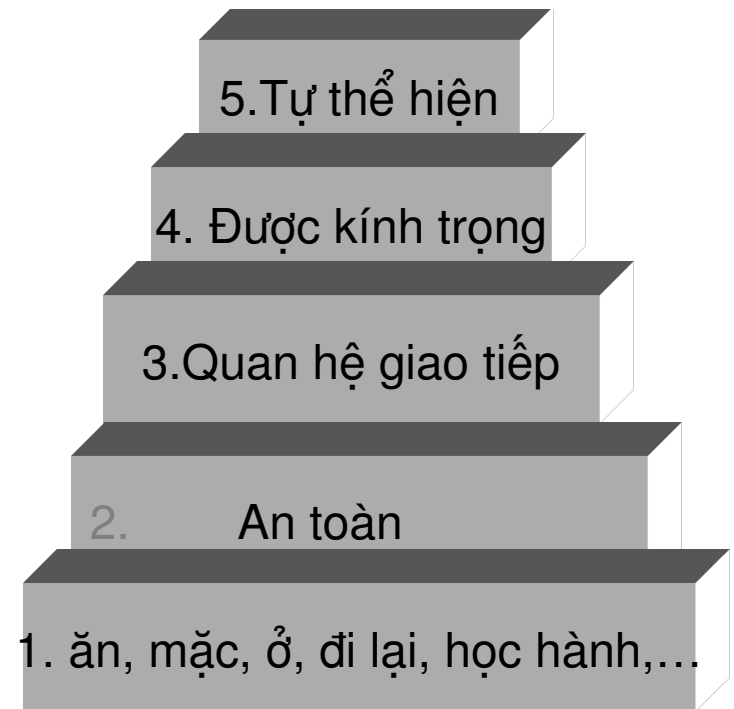
Cầu – nhu cầu

Nhu cầu là những mong muốn ước muốn nói chung của con người.

=> Nhu cầu là 1 phạm trù k có giới hạn và k có khả năng thanh toán

=> Cầu thể hiện những nhu cầu có khả năng thanh toán

Tháp Abraham Mashlow



Cầu cá nhân và cầu thị trường

- Cầu thị trường: Q^D là cầu của 1 thị tr

được tổng hợp từ các cầu cá nhân

$$Q^D = \sum q_i \text{ (với } i = 1, n)$$

- Cầu cá nhân: q_i^D là cầu của 1 TV kt nào đó

(cá nhân, hộ gia đình, DN, ...)

2. Các công cụ xác định cầu

- Bảng(biểu) cầu
- Hàm cầu
- Đồ thị cầu

BIỂU CẦU

*Cầu là tập
hợp của tất cả
các lượng cầu
ở mọi mức giá*

Giá(\$/Kg)	Lượng(tấn)
3	22
4	18
5	14
6	10
7	8

Hàm cầu

Hàm cầu: $Q_D = f(P)$

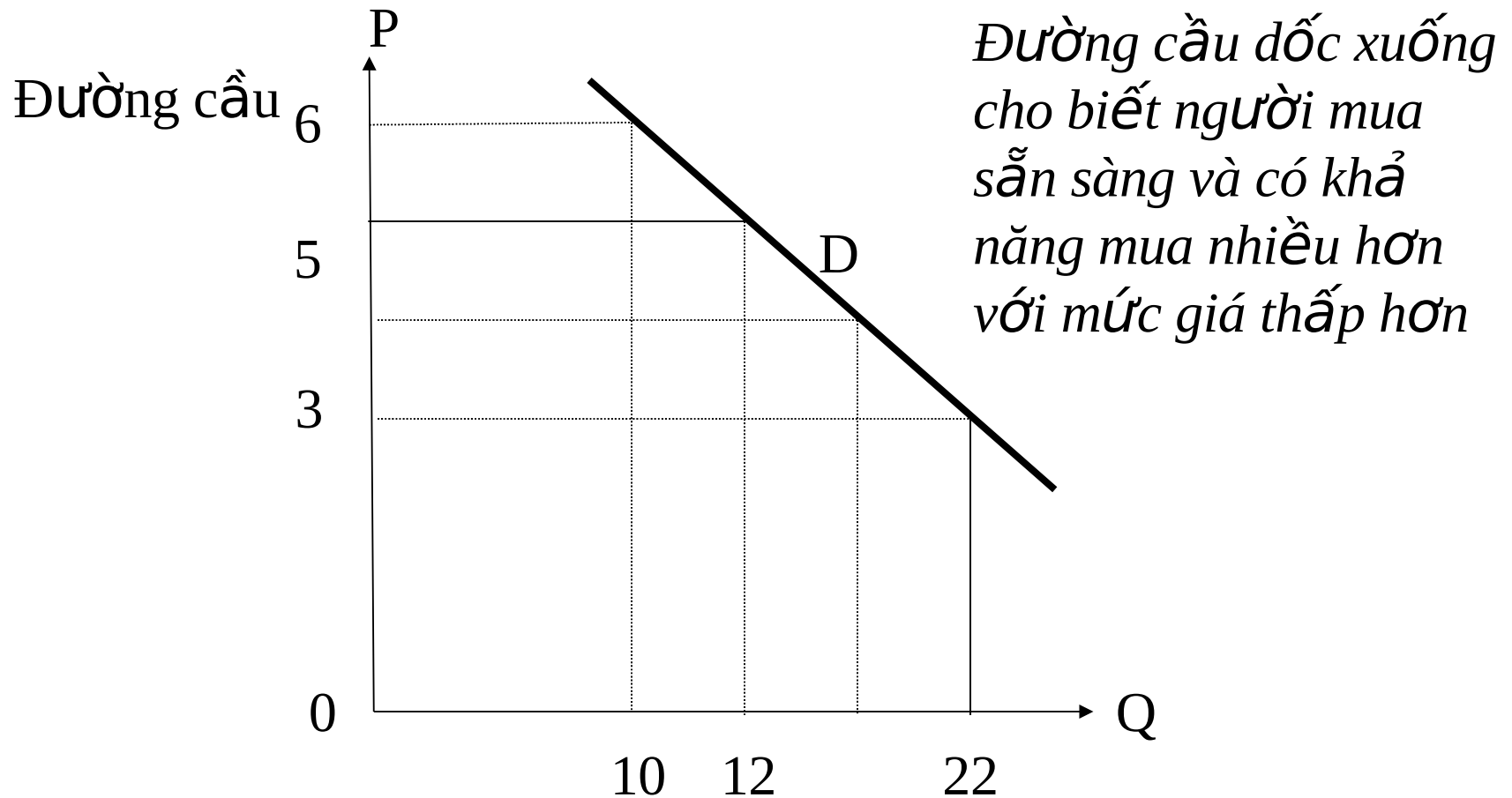
Nếu là hàm tuyến tính: $Q = aP + b$;
($a < 0$)

$$\begin{cases} 22 = a \cdot 3 + b \\ \underline{18 = a \cdot 4 + b} \end{cases}$$

$$4 = -a, \Rightarrow b = 22 - 3a = 22 - 3 \cdot (-4) \\ = 34$$

$$Q^D = 34 - 4P$$

ĐỒ THỊ CẦU

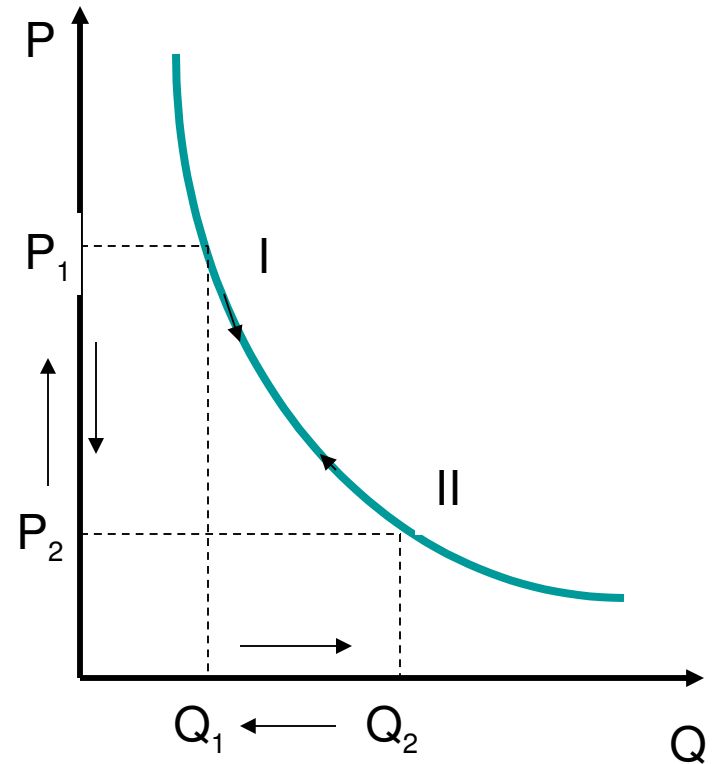


3. LUẬT CẦU

nd: Lượng cầu về 1 loại hàng hóa sẽ tăng lên khi giá của hàng hóa đó giảm đi và ngược lại
(Ceteris Paribus)

vấn tắt:

$P \uparrow (\downarrow) \Rightarrow Q \downarrow (\uparrow)$



Cơ sở của luật cầu

- tồn tại QL khan hiếm
- người TD biết tối đa hoá lợi ích và H^2 có tính thay thế
 - \Rightarrow nếu P đắt họ không mua mà mua hàng hóa khác thay thế cho nó
 - ví dụ: khi Pthịt đắt \Rightarrow nhiều người chuyển sang ăn cá, trứng, ... $\Rightarrow Q^D$ thịt \downarrow

4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG CẦU

- Giá các hàng hóa liên quan (P_y)
- Thu nhập (I):
- Số lượng người mua tham gia thị trường (N)
- Thị hiếu (T)
- Kỳ vọng (E)
- Các yếu tố khác

Các ntố khác ảnh hưởng đến cầu

- Lãi suất: i

$i \uparrow \Rightarrow \uparrow$ Tiền gửi tiết kiệm $\Rightarrow D H^2 \downarrow$

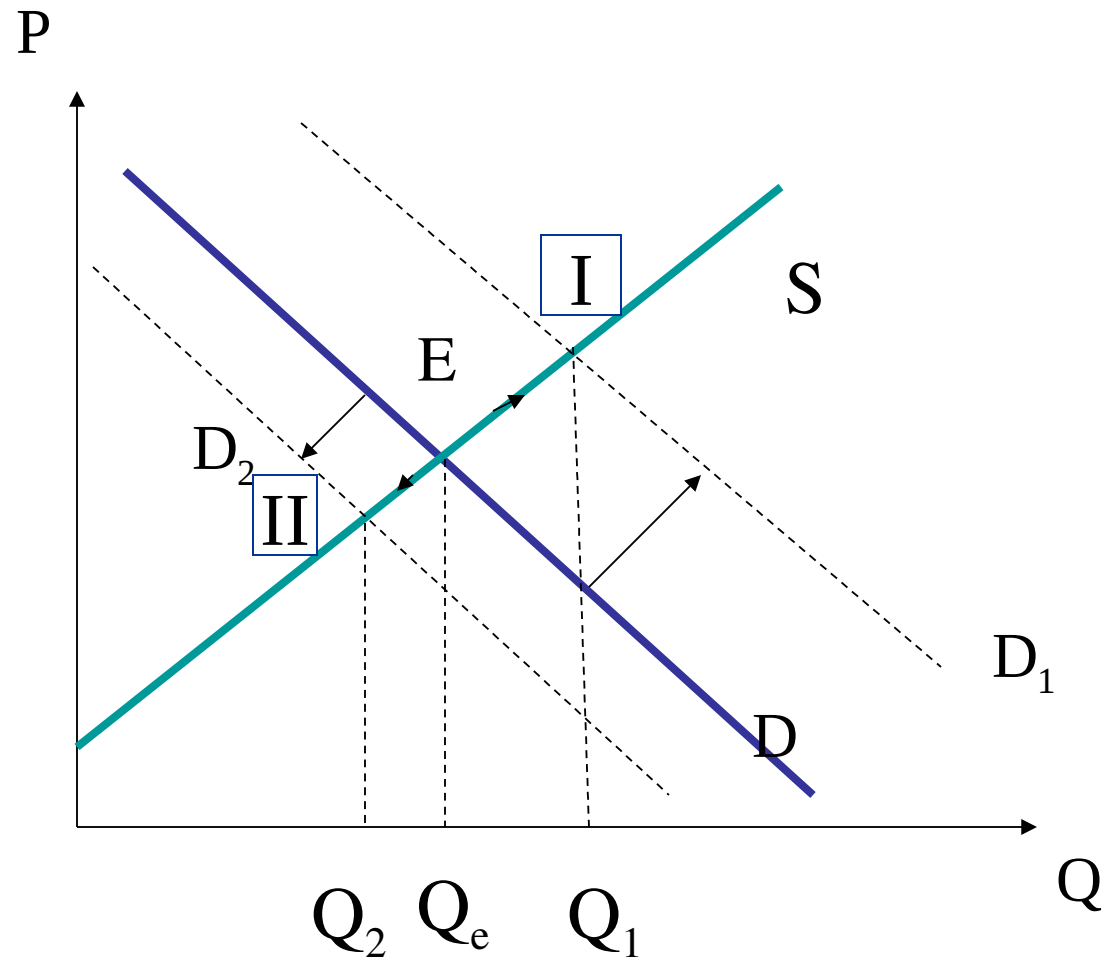
- Tín dụng: C

nhiều hình thức tín dụng $\Rightarrow \uparrow D H^2 TD$

- Quảng cáo: A

SỰ THAY ĐỔI CỦA CẦU

- Cầu tăng
đường cầu
dịch sang phải
($D \rightarrow D_1$)
- Cầu giảm
đường cầu
dịch sang trái
($D \rightarrow D_2$)



Giá cả hàng hóa có liên quan (P_y)

$$Q_x^D = f(P_y; \text{nhân tố khác const})$$

- H2 có liên quan là loại H2 có quan hệ với nhau trong việc thoả mãn 1 nhu cầu nào đó của con người
- Bao gồm
 - Hàng hóa thay thế
 - Hàng hóa bổ sung

Hàng hóa thay thế

- là H2 có thể SD thay thế nhau trong việc thoả mãn 1 ncầu nào đó của con người
- Quan hệ giữa P_y và Q_x^D có qhệ thuận chiều

vd: khi $P_{CÀ PHÊ} \uparrow \Rightarrow Q_{CÀ PHÊ}^D \downarrow \Rightarrow D_{CHÈ} \uparrow$

\Rightarrow đường $D_{CHÈ}$ dịch sang phải

$$Q_x^D = b + a P_Y, (a > 0)$$

$$Q_x^D = 5 + 2 P_Y$$

Hàng hóa bổ sung

- là H2 được SD đồng thời với H2 khác
- Quan hệ giữa P_Y và Q^D_X có qhệ nghịch chiều

vd: khi $P_{CÀ PHÊ} \uparrow \Rightarrow Q^D_{CP} \downarrow \Rightarrow D_{đường} \downarrow$

\Rightarrow đường $D_{đường}$ dịch sang trái

$$Q^D_X = b + a P_Y, (a < 0)$$

$$Q^D_X = 4 - 3 P_Y$$

Thu nhập (I)

Quy luật Engel: Khi I thay đổi $\Rightarrow D_H$ cũng thay đổi

- Hàng hóa bình thường: có quan hệ tỷ lệ thuận
 - H2 thiết yếu: tốc độ thay đổi thu nhập $>$ tđộ tđổi cầu
 - H2 thông thường: tốc độ thay đổi thu nhập \sim tđộ tđổi cầu
 - H2 xa xỉ: tốc độ thay đổi thu nhập $<$ tđộ tđổi cầu
- H2 thứ cấp: thu nhập và cầu có quan hệ tỉ lệ nghịch

Quy mô thị trường TD (N)

- Biểu thị số lượng người TD tham gia vào t^2
- Quy mô thị trường TD và cầu có quan hệ thuận chiều

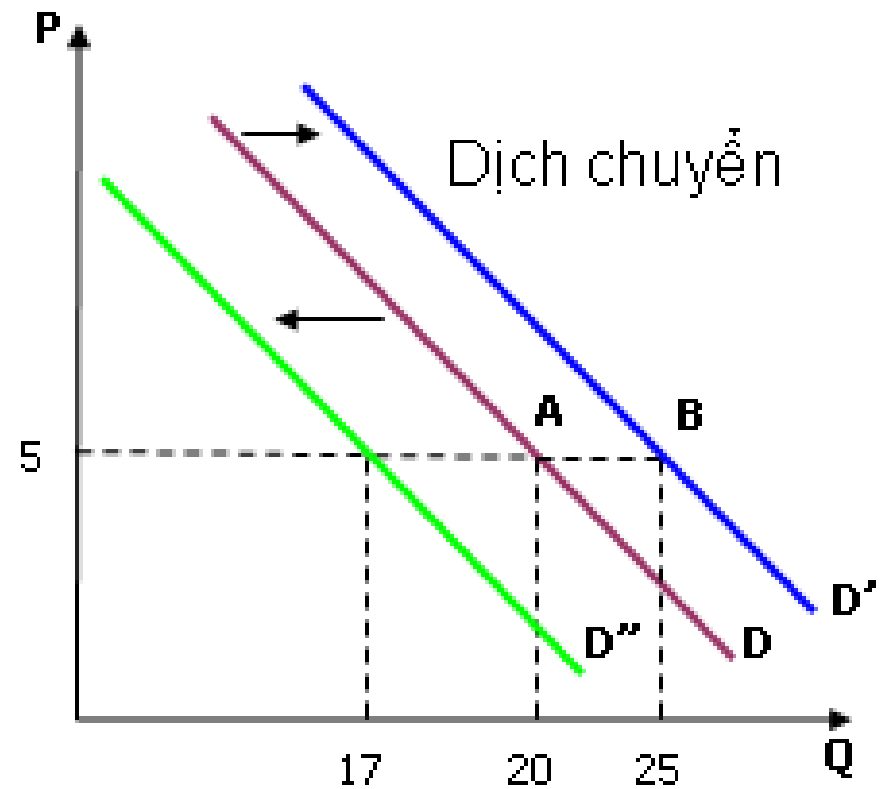
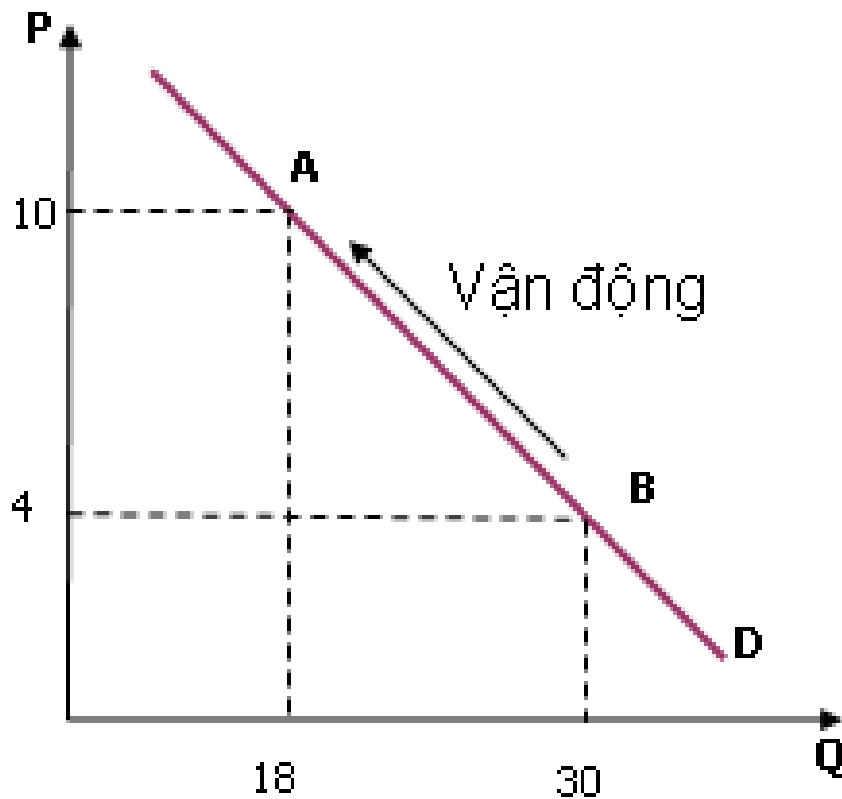
Thị hiếu (T)

- là sở thích, ý thích của người TD đối với 1 loại SP, DV
- Hình thành bởi thói quen TD, phong tục tập quán, tính tiện dụng của SP
- Sở thích của người TD và cầu có quan hệ thuận chiều

Kỳ vọng (E)

- Kỳ vọng đề cập đến sự mong đợi hay dự kiến của người TD về sự thay đổi trong tương lai các nhân tố tác động tới cầu hiện tại
- Tùy từng thay đổi mà nó có qhệ với cầu hiện tại cùng hay khác chiều

Sự vận động và dịch chuyển của đường cầu



5. PHÂN BIỆT SỰ VẬN ĐỘNG VÀ DỊCH CHUYỂN CỦA ĐƯỜNG CẦU

- Sự vận động dọc theo đường cầu (biến nội sinh): P thay đổi, cố định các nhân tố khác

Khi bản thân giá cả của hàng hóa thay đổi \Rightarrow thay đổi về lượng cầu dọc theo đường cầu \Rightarrow vận động

- Sự dịch chuyển của đường cầu (biến ngoại sinh)

Khi các ntố (P_v, I, N, T, E) thay đổi \Rightarrow

II. Cung

1. Một số kn
2. Các công cụ XĐ cung
3. Luật cung
4. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung
5. Phân biệt sự vận động và sự dịch chuyển của đường cung

1. Một số kn

1. Cung

2. Lượng cung

3. Cung cá nhân và cung thị trường

CUNG – LƯỢNG CUNG

- Cung là số lượng H^2 mà người bán ***sẵn sàng và có khả năng bán*** ở các mức giá khác nhau trong 1 khoảng thời gian nhất định. (Ceteris Paribus)
- Lượng cung là số lượng H^2 được cung **t¹** tại một mức giá nào đó
(Ceteris Paribus)

BIỂU CUNG

Cung là tập hợp của tất cả các lượng cung ở mọi mức giá

Giá (nghìn đồng/ tấn)	Lượng cung (tấn)
3	13
4	18
5	23
6	28
7	33
8	38

So sánh cung – lượng cung

- Cung là một hàm của giá $Q^S = f(P)$ còn
Lượng cung chỉ là một giá trị của hàm cung đó
Ví dụ:
có cung một thị trường gạo: $Q^S = 5P - 2$
thì lượng cung ở mức giá $P = 4$,
$$\Rightarrow Q^S = 5.4 - 2 = 18$$
- Cung là 1 đường còn lượng cung chỉ là 1 điểm

Cung cá nhân và cung thị trường

- Cung thị trường: Q^S là cung của 1 thị trường

được tổng hợp từ các cung cá nhân

$$Q^S = \sum q_j \text{ (với } j = 1, n)$$

- Cung cá nhân: q_i^D là cung của 1 TV kt nào đó

(cá nhân hộ gia đình, DN, ...)

2. Các công cụ xác định cầu

- Bảng(biểu) cầu
- Hàm cầu
- Đồ thị cầu

BIỂU CUNG

Cung là tập hợp của tất cả các lượng cung ở mọi mức giá

Giá (nghìn đồng/ Kg)	Lượng cung (tấn)
3	13
4	18
5	23
6	28
7	33
8	38

Hàm cung

Hàm cung: $Q_s = f(P)$

Nếu là hàm tuyến tính: $Q = cP + d; (a > 0)$

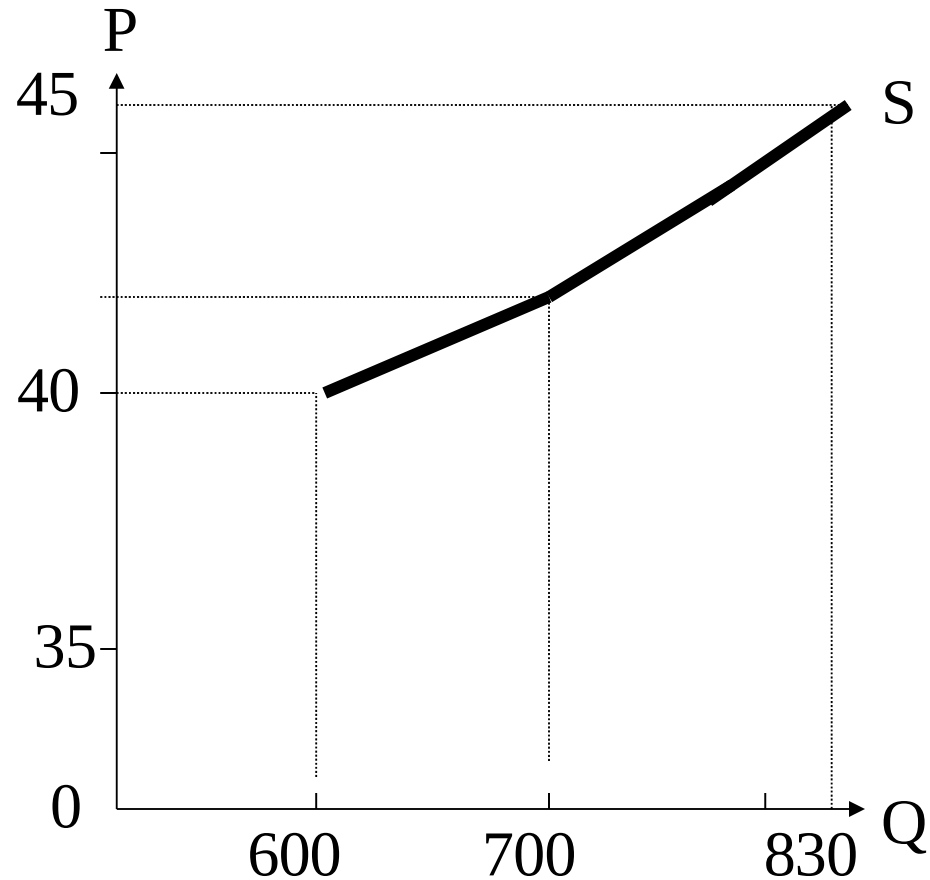
$$\begin{cases} 13 = c \cdot 3 + d \\ 18 = c \cdot 4 + d \end{cases}$$

$$\underline{-5 = -c, \Rightarrow d = 13 - 3c = 13 - 3 \cdot 5 = -2}$$

$$Q^s = 5P - 2$$

ĐỒ THỊ CUNG

Đường cung
dốc lên thể
hiện người
bán muốn
bán nhiều
hơn khi giá
càng cao



3. LUẬT CUNG

- Luật cung: Lượng cung của hầu hết các loại hàng hóa có xu hướng tăng khi giá của hàng hóa đó tăng và ngược lại trong một khoảng thời gian nhất định (cố định các ntổ khác)

- Hàm cung: $Q_s = f(P)$

Nếu là hàm tuyến tính: $Q = cP + d$

4. CÁC NTỔ ẢNH HƯỞNG CUNG

$$Q^S = f(P_i, C_n, N, T, E)$$

- Giá của các yếu tố đầu vào
- Công nghệ SX
- Chính sách của Chphủ (thuế, trợ cấp)
- Số lượng người bán tham gia thị trường
- Kỳ vọng (E)

Giá của các yếu tố đầu vào (P_i)

$$\Pi = TR - TC ; TR = P.Q ; TC = ATC.Q$$

$$\Rightarrow \Pi = Q(P - ATC)$$

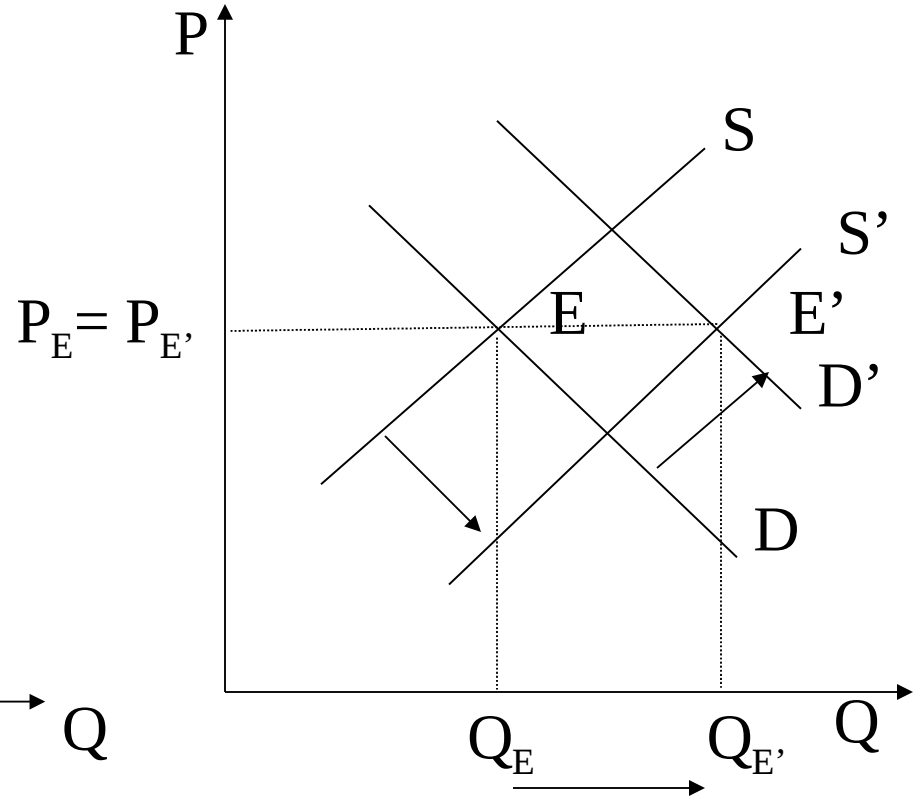
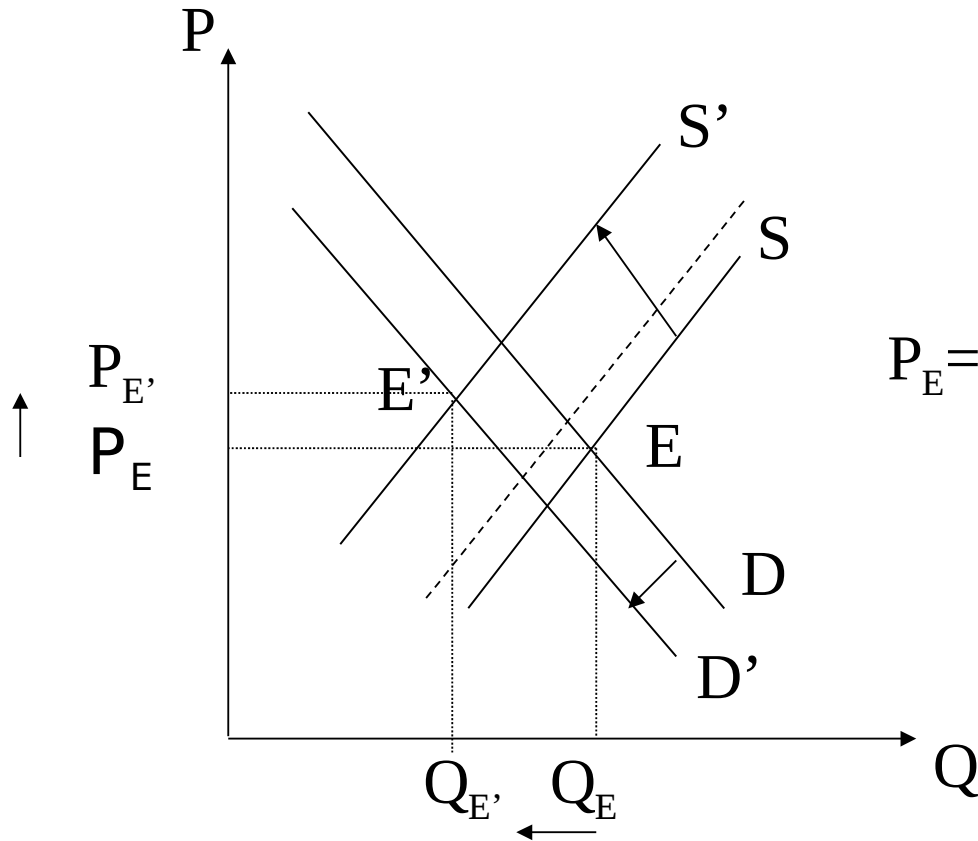
P_i liên quan



$$\Rightarrow P_i \uparrow \Rightarrow AC \uparrow \Rightarrow \Pi \downarrow \Rightarrow S \downarrow$$

\Rightarrow đường cung dịch chuyển sang trái

Sự dịch chuyển CỦA ĐƯỜNG CUNG



5.SỰ VẬN ĐỘNG VÀ DỊCH CHUYỂN

- **Vận động dọc đường cầu (đường cung)**
 - Thay ®æi trong l-îng cÇu (l-îng cung)
 - Do thay ®æi trong gi, cña húng hãa/dPch vô

(c, c yÕu tè kh, c kh«ng ®æi)
- **Dịch chuyển của đường cầu (đường cung)**
 - Thay ®æi cña cÇu (cung)
 - Do thay ®æi cña mét trong nh÷ng nh©n tè ¶nh h-ëng ®Õn cÇu (cung)

III. CÂN BẰNG CUNG CẦU

1. Trạng thái cân bằng, dư thừa và thiếu hụt

1.1. Trạng thái cân bằng

- Đn: Trạng thái cân bằng là trạng thái tại đó cung đáp ứng đủ cầu không có dư thừa và thiếu hụt
- Đặc trưng:
 - $Q_D = Q_S = Q_{CB}$
 - $P_D = P_S = P_{CB}$
- Cách XĐ: Bảng, đồ thị: $(E) = (S) \times (D)$, giải phtr

$$Q - Q \rightarrow P - 0$$

TRẠNG THÁI DƯ THỪA

- giá thị trường cao hơn giá cân bằng:

$$P_t > P_e \Rightarrow P \uparrow \Rightarrow Q_S \uparrow (\text{luật S});$$

$$\Rightarrow Q_D \downarrow (\text{luật D})$$

$$Q_S > Q_D \Rightarrow \text{dư thừa (dư cung)}$$

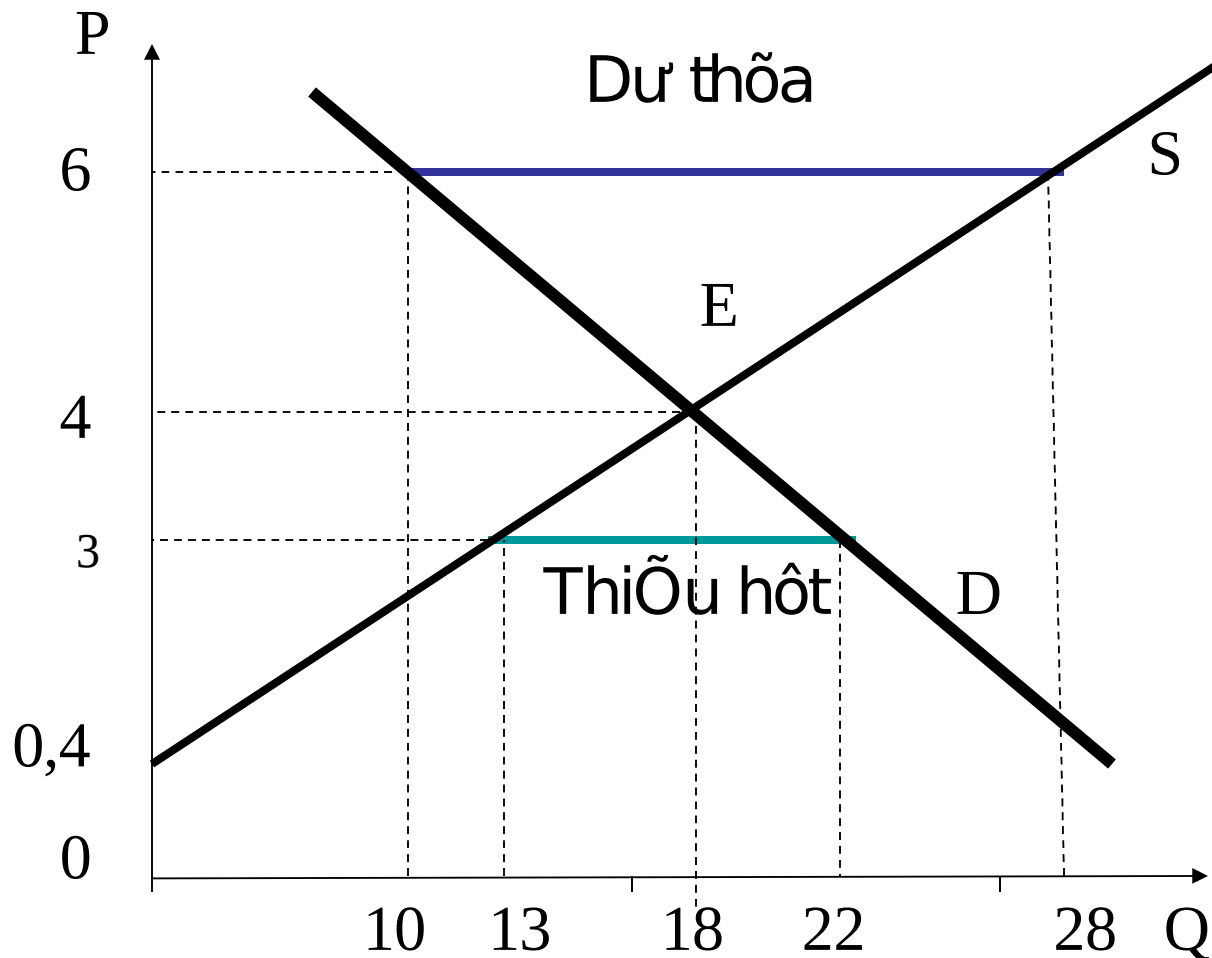
$$\Delta Q = Q_S - Q_D$$

- ví dụ: $Q^D = 34 - 4P$, $Q^S = 5P - 2$

nếu $P = 6 \Rightarrow$ dư cung

$$\Delta Q = (5.6 - 2) - (34 - 4.6) = 18$$

Cân bằng- d- thỏa- thiƯu hât



- **Điểm CB (E)**

$$P_e = 4, Q_e = 18$$

- Dư thừa: $\Delta Q^D = 28 - 10 = 18$

- ThiƯu hụt: $\Delta Q^S = 22 - 13 = 9$

TRẠNG THÁI THIẾU HỤT

- giá thị trường thấp hơn giá cân bằng:

$$P_t < P_e \Rightarrow P \downarrow \Rightarrow Q_s \downarrow (\text{luật S});$$

$$\Rightarrow Q_D \uparrow (\text{luật D})$$

$$Q_s < Q_D \Rightarrow \text{thiếu hụt (dư cầu)}$$

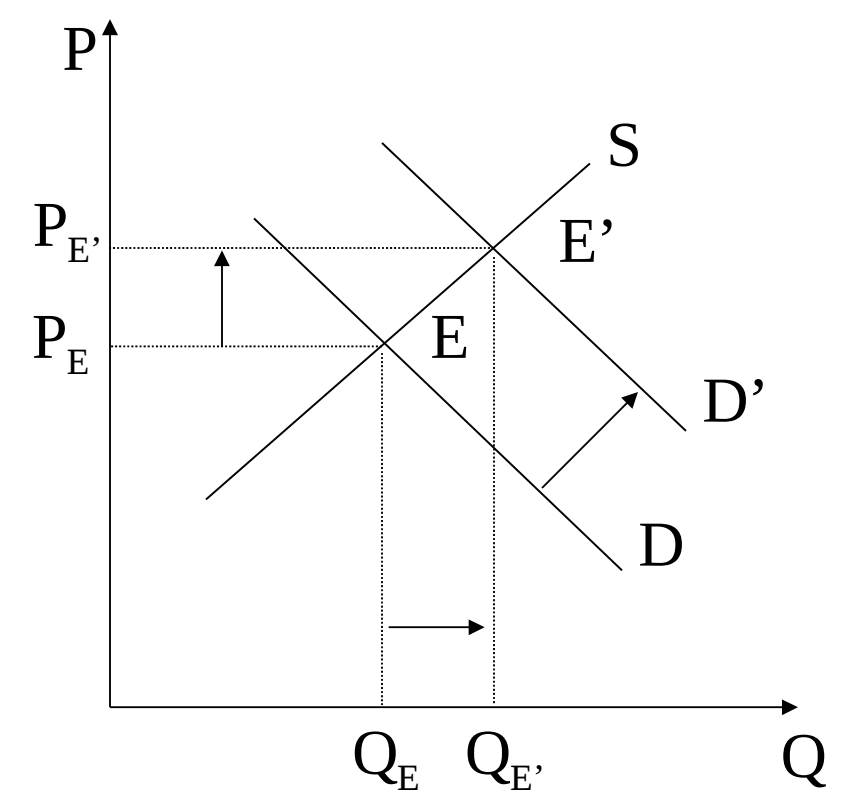
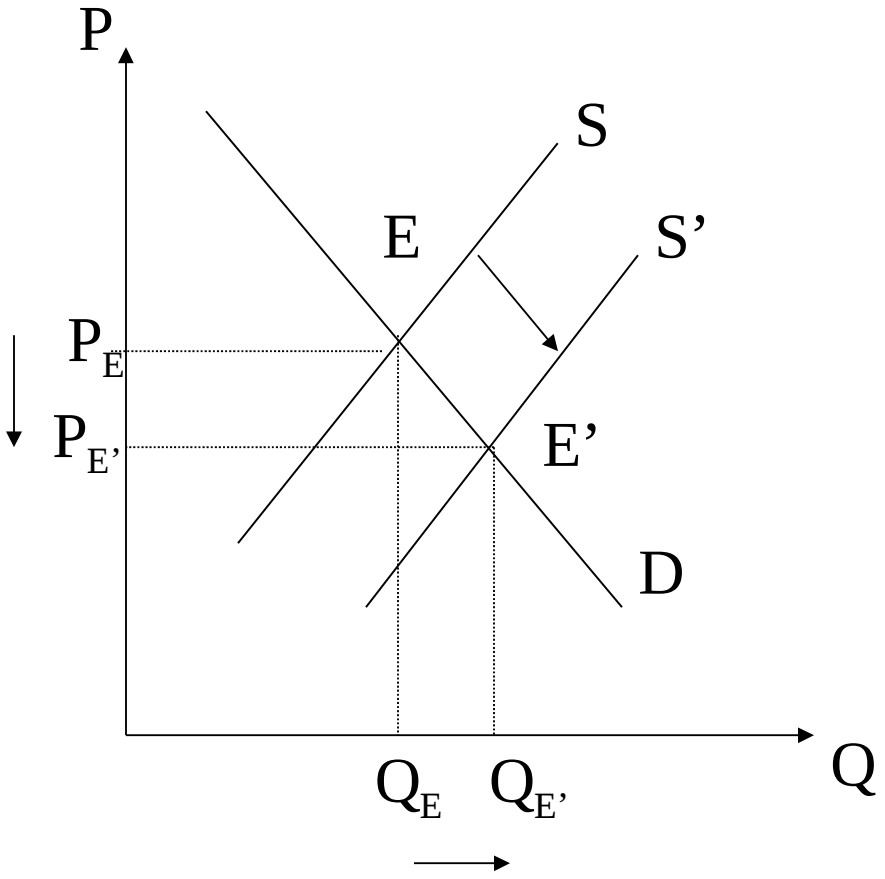
$$\Delta Q = Q_D - Q_s$$

- ví dụ: $Q^D = 34 - 4P$, $Q^S = 5P - 2$

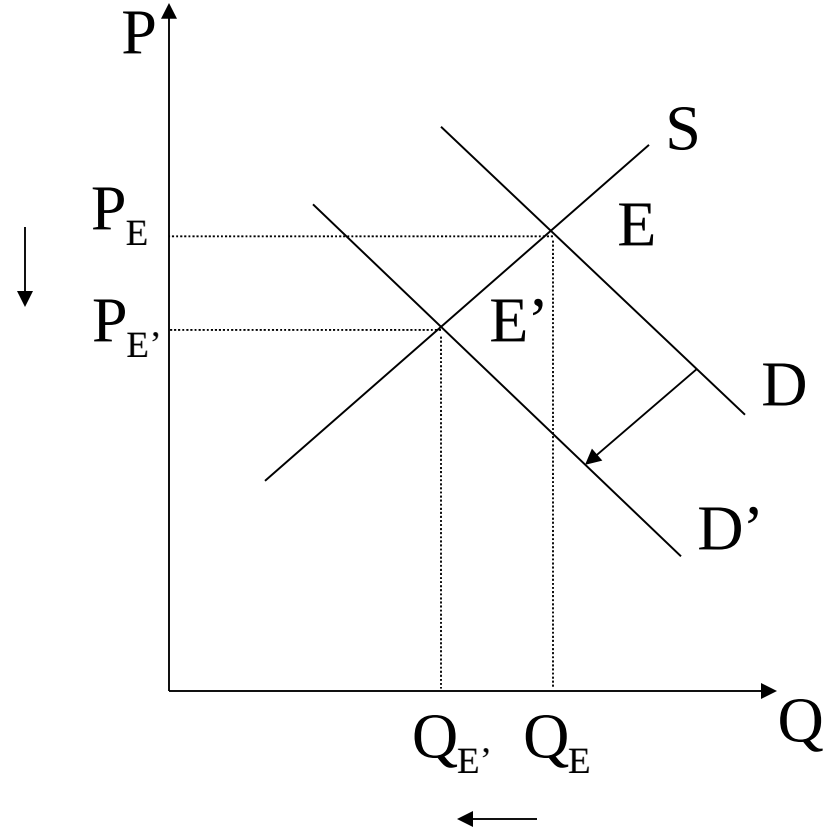
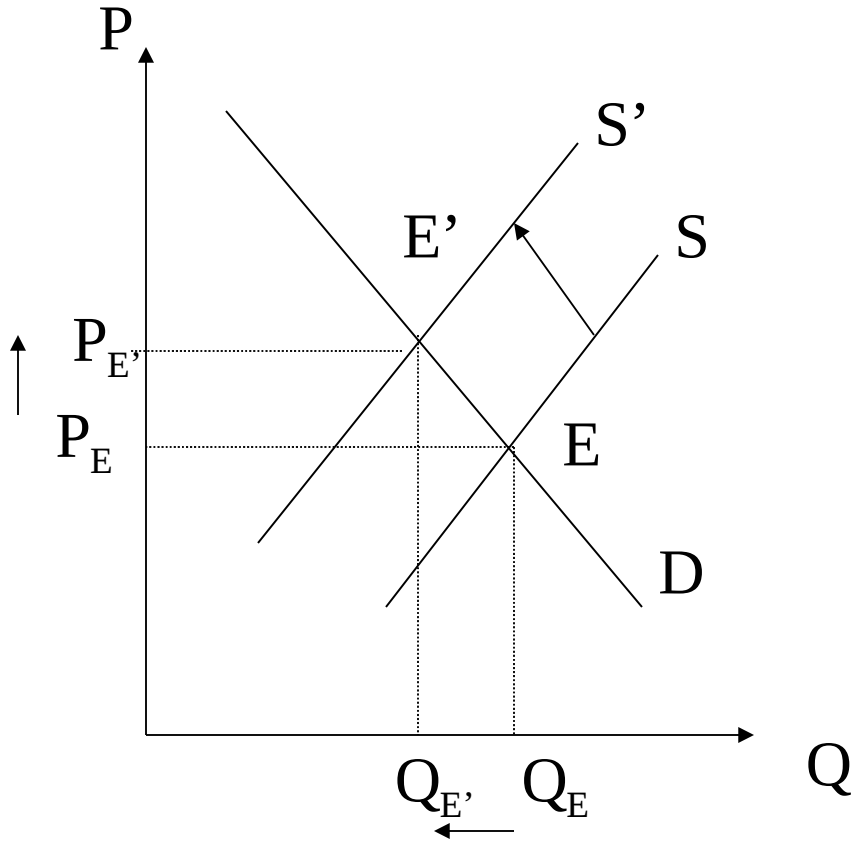
nếu $P = 3 \Rightarrow$ dư cầu

$$\Delta Q = (34 - 4 \cdot 3) - (5 \cdot 3 - 2) = 0$$

2. Thay $\text{R}\ddot{\text{a}}\text{i}$ tr \AA ng th \AA i c \AA n b \AA ng

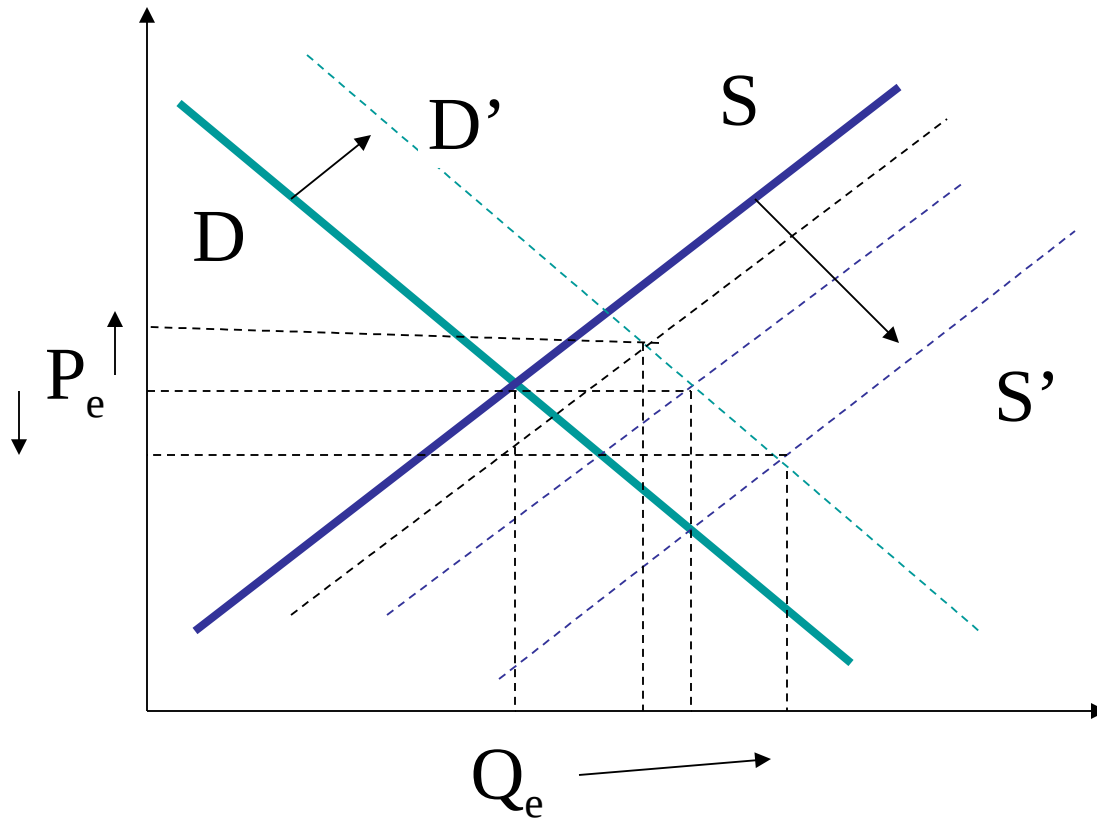


Thay ®æi tr¹ng th¶i c©n b»ng- Sù dÞch chuyÓn

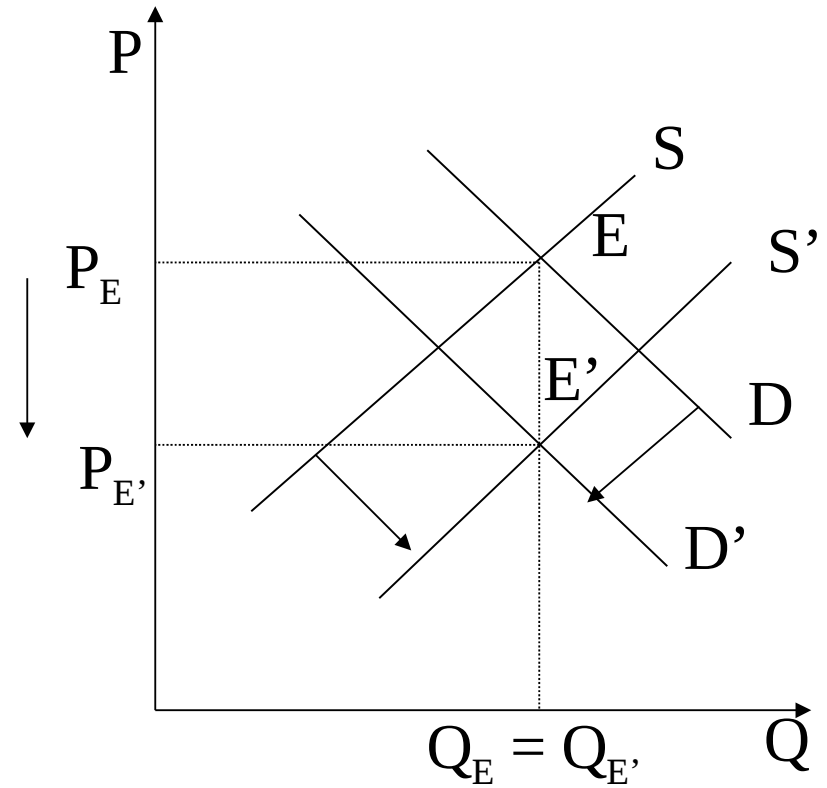
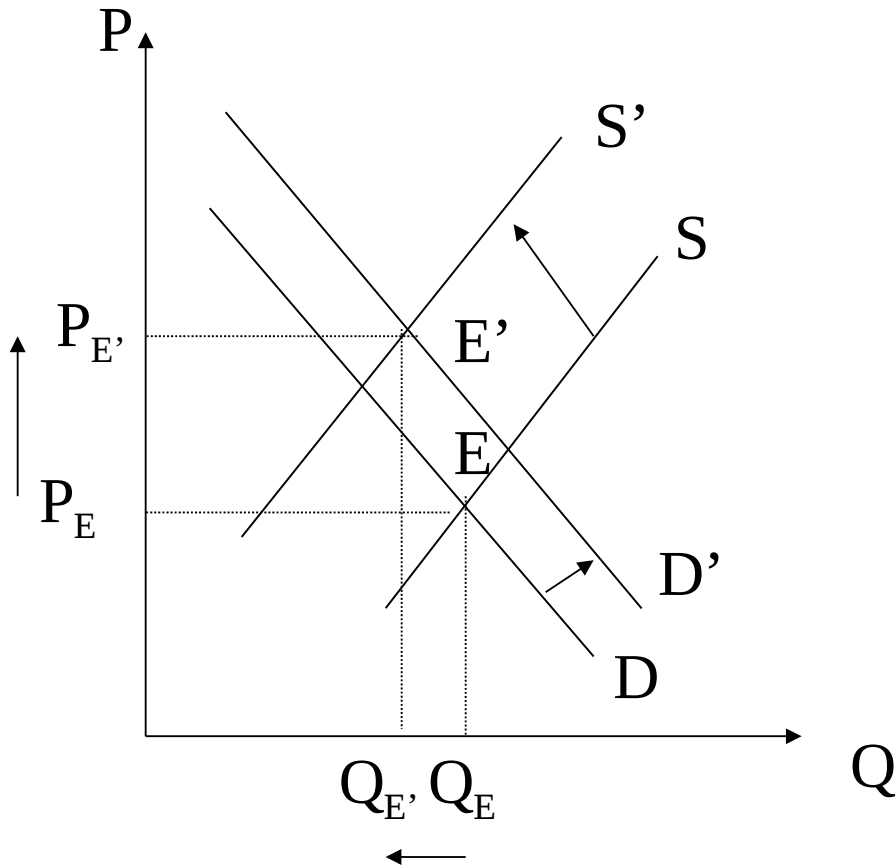


Thay ®æi tr¹ng th, i c©n b»ng

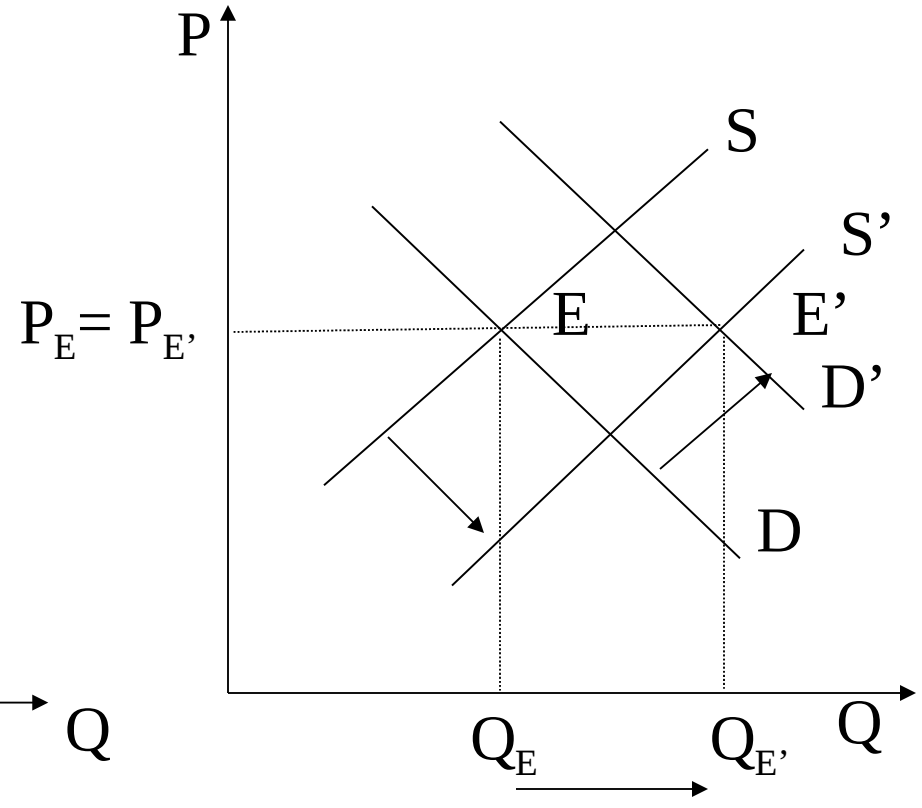
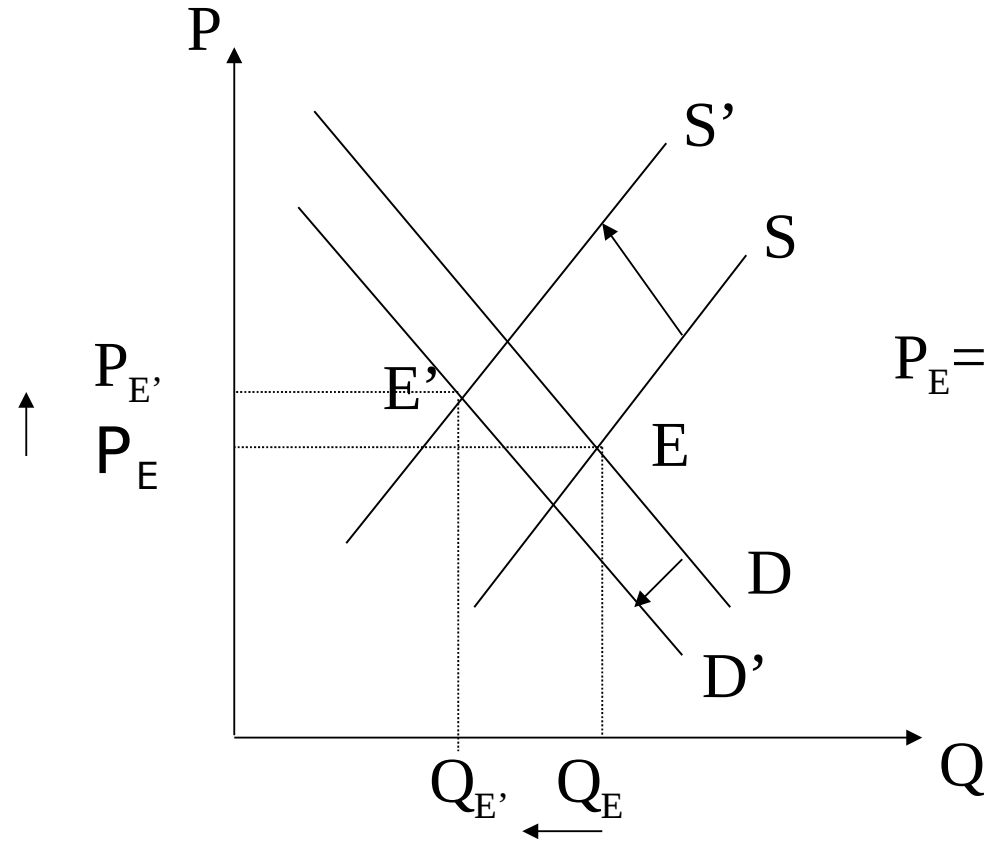
Khi $S \uparrow + D \uparrow \Rightarrow Q_{CB} \uparrow$, P không XD: $\uparrow, \downarrow, \text{const}$



Thay $\text{R}^{\text{a}}\text{i}$ tr¹ng th_j c C n b $\text{v}}$ ng- S u d P ch chuy O n



Thay ®æi tr¹ng th½ c©n b»ng- Sù dÞch chuyÓn



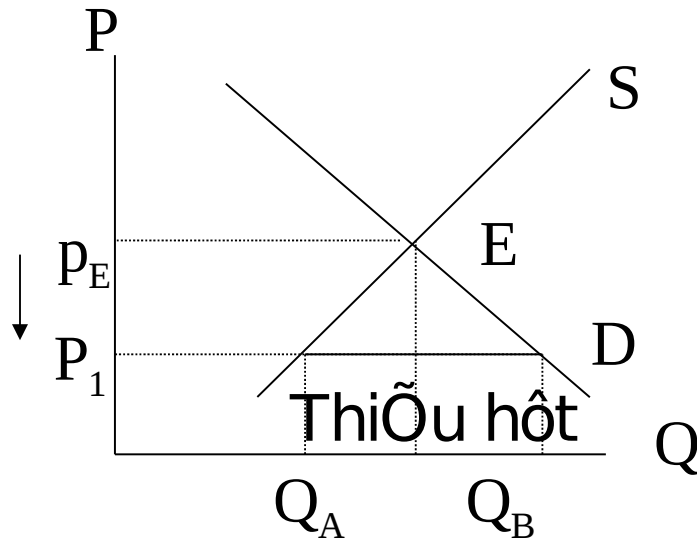
2. Kiểm soát giá

- Đn: là những qui định của Chính phủ về giá cả H2 buộc mọi thành viên kt phải tuân thủ
- Mục đích
 - ổn định giá cả thị trường
 - bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
 - bảo vệ quyền lợi người SX
- Các hình thức
 - giá cố định
 - Giá trần
 - Giá sàn

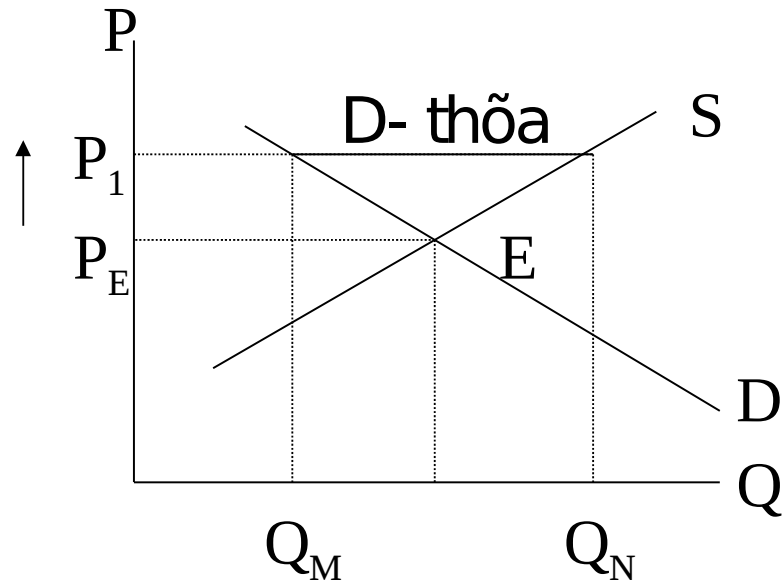
giá cố định

- là giá N2 quy định ,cố định trong từng thời kỳ
- ví dụ giá trong cơ chế KHH tập trung
- vì $P_{CĐ}$ trong khi P_{CB} thay đổi \Rightarrow có thể
 - $P_{CĐ} > P_{CB} \Rightarrow$ dư thừa
 - $P_{CĐ} < P_{CB} \Rightarrow$ thiếu hụt

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ: Giá trần và giá sàn



- Giá trần:**
- cao nhất trên thị trường
 - hậu quả: thiếu hụt
 - bảo vệ người tiêu dùng

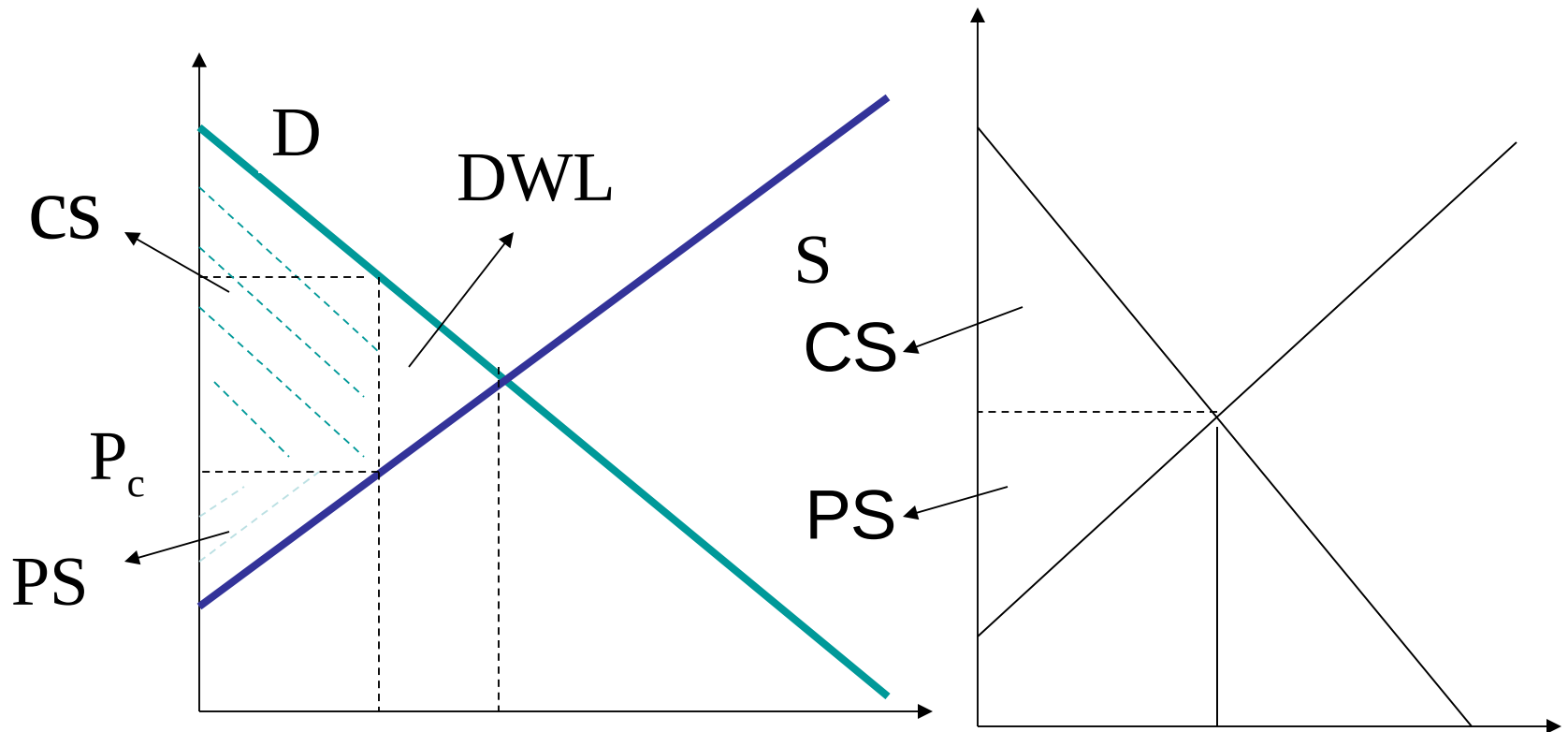


- Giá sàn:**
- thấp nhất trên thị trường
 - hậu quả: dư thừa
 - mức tiền lương tối thiểu

GIÁ TRẦN

- Là P bảo vệ quyền lợi người mua
 $\Rightarrow P_c < P_{CB} \Rightarrow P \downarrow \Rightarrow$ thiếu hụt
- là P qui định cao nhất trao đổi trên thị trường không được phép cao hơn
- Làm cho ích lợi XH (NSB) $\downarrow =$ DWL
- ví dụ: mức giá tiền thuê nhà tối đa ở nhiều nước

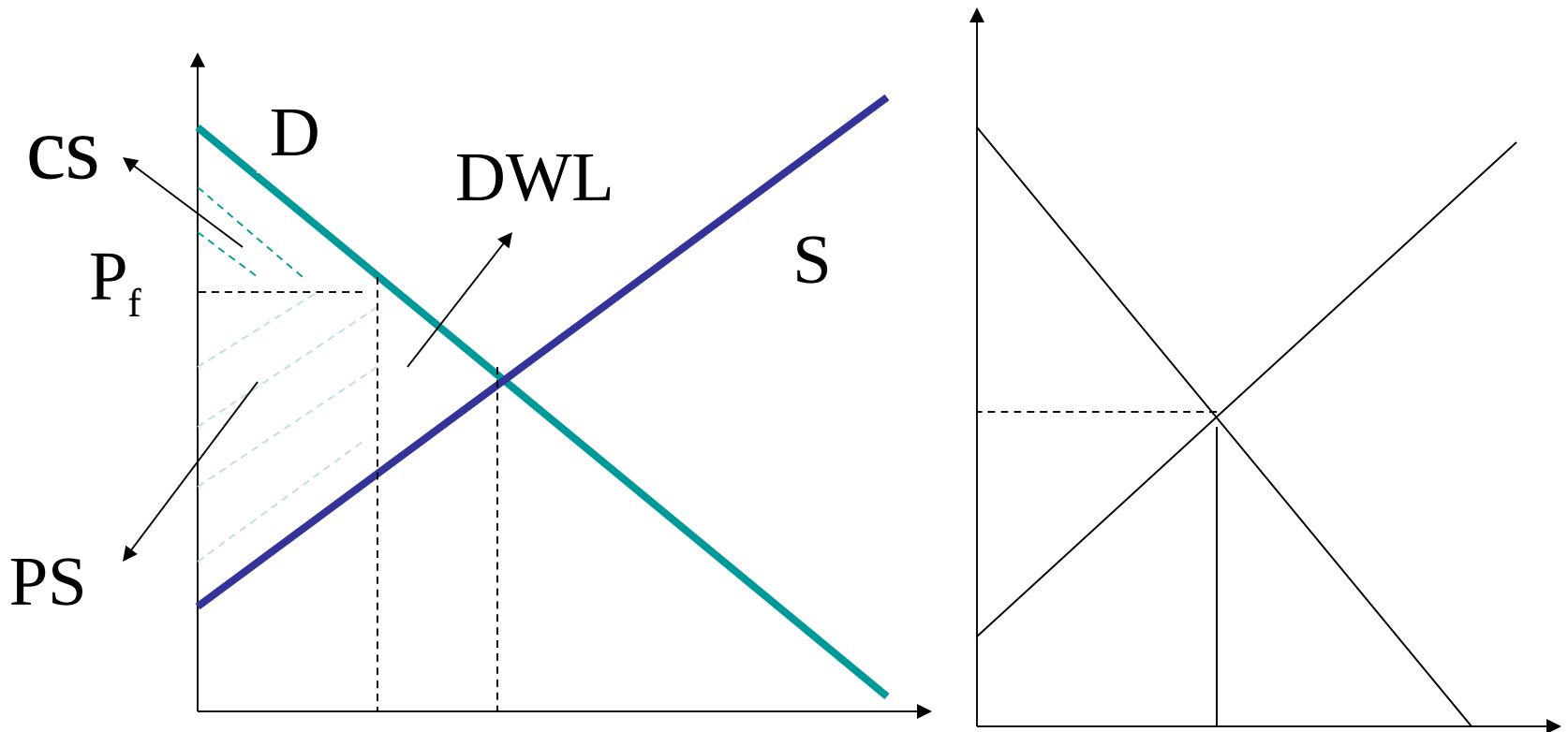
ĐỒ THỊ GIÁ TRẦN



GIÁ SÀN

- Là P bảo vệ quyền lợi người sx, bán hàng
 $\Rightarrow P_f > P_{CB} \Rightarrow P \uparrow \Rightarrow$ dư thừa
- là P qui định thấp nhất trao đổi trên thị trường không được phép thấp hơn
- Làm cho ích lợi XH (NSB) \downarrow = DWL
- ví dụ: mức tiền lương trả cho người LĐ tối thiểu ở nhiều nước

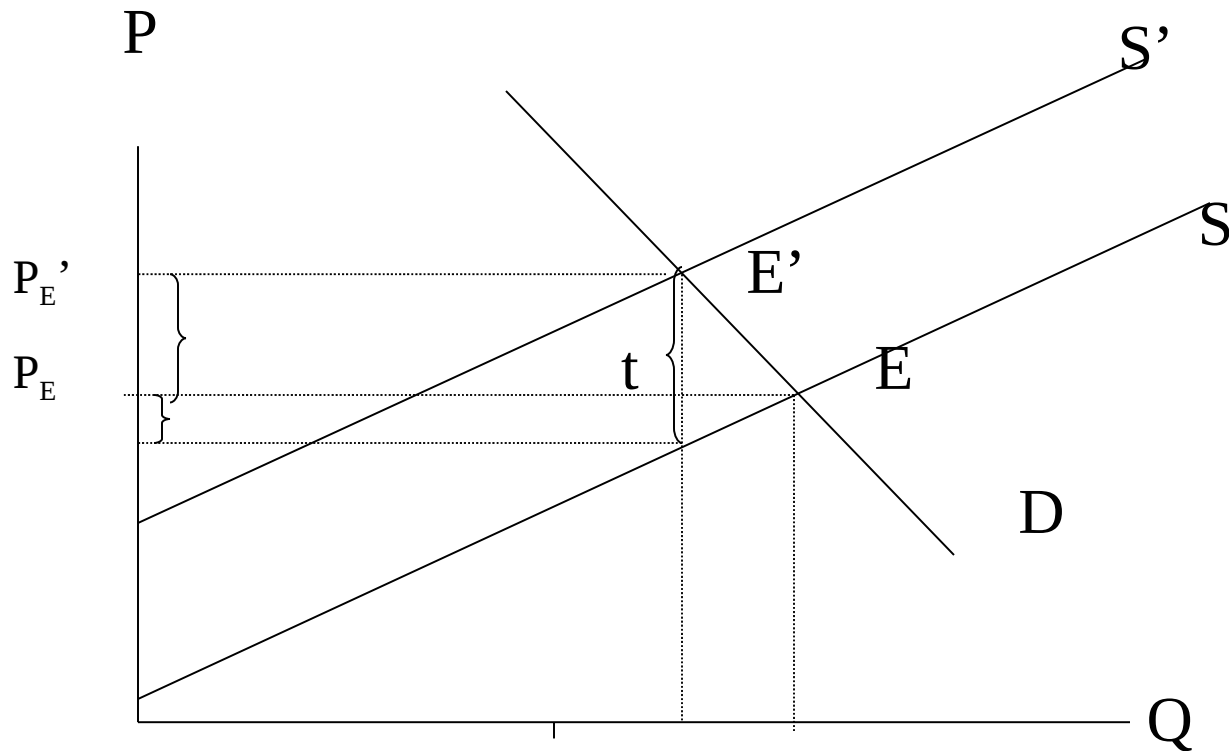
ĐỒ THỊ GIÁ SÀN



CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ: Thuế/1đvsp

Ng-êi tí^u
đing chĐu
 $\Delta P = P_{E'} - P_E$

Ng-êi
s¶n
xuÊt
chĐu
 $t - \Delta P$



Gi, c©n b»ng trªn thĐ tr-êng thay ®æi nh- thÕ nưo ?

THUẾ ĐÁNH VÀO TỪNG ĐVSP

$$t = t_{TD} + t_{SX}; P_{tax}^s = P^s + t$$

- $t_{TD} = P_{tax} - P_e \Rightarrow TR_{TAXTD} = t_{TD} \cdot Q_{TAX}$

- $t_{SX} = t - t_{TD} \Rightarrow TR_{TAXSX} = t_{SX} \cdot Q_{TAX}$

- $TR_{TAX} = t \cdot Q_{TAX} = TR_{TAXTD} + TR_{TAXSX}$

$$= Q_{TAX} \cdot (t_{TD} + t_{SX})$$

$$= Q_{TAX} \cdot t$$

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ

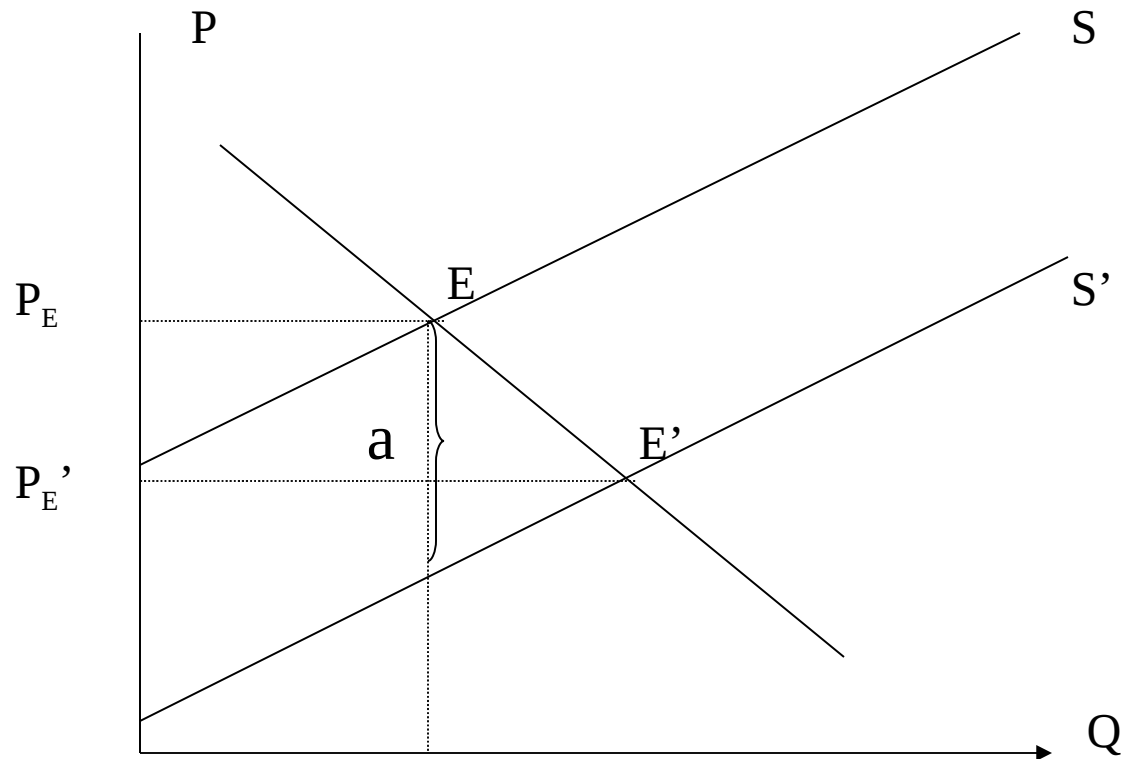
Trợ cấp/1đvsp

Người tiêu dùng
được lợi

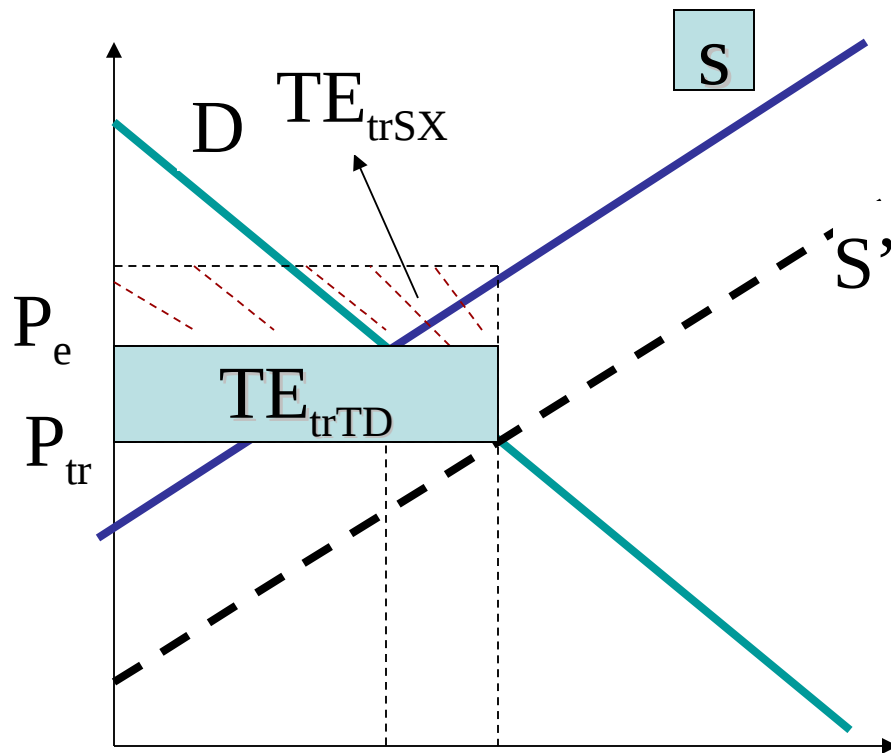
$$\Delta P = P_{E'} - P_E$$

Người sản xuất
được lợi:

$$a - \Delta P$$



CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP/1đvsp



TRỢ CẤP VÀO TỪNG ĐVSP

$$tr = tr_{TD} + tr_{SX}; P_{tr}^s = P^s - tr$$

- $tr_{TD} = P_e - P_{tr} \Rightarrow TE_{trTD} = tr_{TD} \cdot Q_{tr}$

- $tr_{SX} = tr - tr_{TD} \Rightarrow TE_{trSX} = tr_{SX} \cdot Q_{tr}$

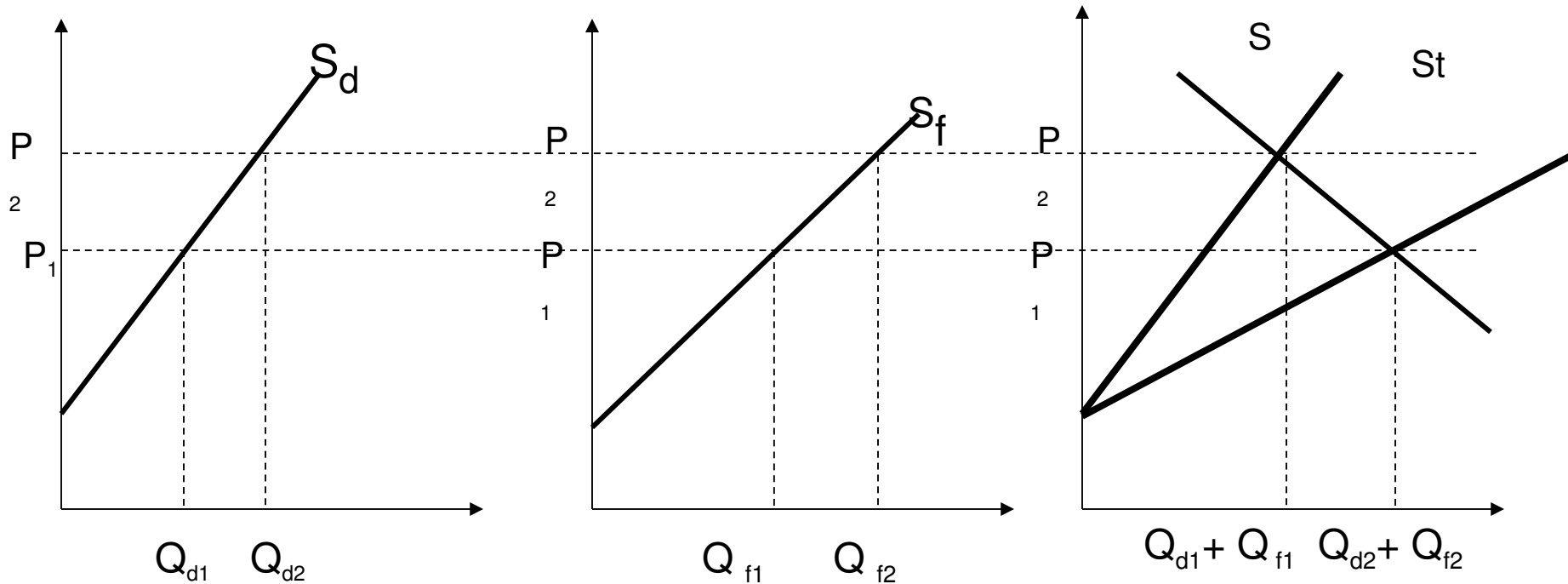
- $TE_{tr} = tr \cdot Q_{tr} = TE_{trTD} + TE_{trSX}$
 $= Q_{tr} \cdot (tr_{TD} + tr_{SX})$
 $= Q_{tr} \cdot tr$

Hạn ngạch nhập khẩu

- Đn: Là số lượng một loại hàng hóa nào đó được phép nhập khẩu
- Mđ: bảo vệ các hãng sx trong nước
- Cý: khi cấm nhập khẩu hoặc đóng cửa T^2
 $H^2 \Rightarrow$ hạn ngạch = 0

vd: hàng dệt may của Cộng đồng châu Âu
thép của Mỹ
gạo đối với Nhật và Hàn quốc

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ: Hạn ngạch nhập khẩu



Chính sách cấm nhập lượng giảm tăng
cung

TỔNG KẾT BT C2

1. XD pt S-D: $Q^D = aP + b$, $Q^S = cP + d$
2. Tìm giá và SL CB: $Q^D = Q^S \Rightarrow P_e, Q_e$
3. Tính thặng dư TD:CS, thặng dư sx PS tại điểm CB
4. Khi ấn định Giá trần, giá sàn thì điều gì xảy ra? Tính lượng dư thừa, thiếu hụt đó.
5. Chính phủ đánh thuế $t/1đvsp \Rightarrow$ tính P_{TAX}
, Q_{TAX} ? TR_{TAX} , TR_{TAXTD} , TR_{TAXSX}

P_s

CẦU VÀ CỎ DẪN

ĐỘ CỎ DẪN



ĐỘ CO GIÃN CỦA CẦU



-Độ co giãn của cầu
theo giá: E_{DP}

-Độ co giãn của cầu
theo thu nhập: E_{DI}

-Độ co giãn chéo: E_{XY}

ĐỘ co dãn của cầu THEO GIÁ

- K_n : là đại lượng đo bằng tỷ số giữa % thay đổi của lượng cầu với % thay đổi của giá (các nê khác nhau)
- công thức:

$$E_p = \frac{\% \Delta Q_d}{\% \Delta P} = \frac{\Delta Q_d / Q_d}{\Delta P / P} = \frac{\Delta Q}{\Delta P} \times \frac{P}{Q}$$

CÁCH TÍNH ĐỘ CO DẪN

THEO 2 TRƯỜNG HỢP

- CO DẪN ĐIỂM

- CO DẪN KHOẢNG

(ĐOẠN)

Co d·n @iÓm

là co dẫn tại 1 điểm nào đó của đường cầu

$$E_p^A = \frac{dQ_d}{dP} \times \frac{P}{Q_d} = 1/\text{độ dốc} \cdot P/Q$$

$$\longrightarrow E_p^A = Q'_{(P)} \times \frac{P}{Q_d}$$

Co d-n không

- Là co dẫn tại 1 khoảng hữu hạn nào đó của đường cầu
- Thực chất: là co dẫn giữa 2 mức giá khác nhau

$$E_p^{AB} = \frac{Q_2 - Q_1}{P_2 - P_1} \times \frac{P_1 + P_2}{Q_1 + Q_2}$$

Phản ứng hồi số có độ nhạy theo giá,

$|E_p| > 1$: Cầu có độ
 nhạy (% $\Delta Q >$ % ΔP)

$|E_p| < 1$: Cầu kém độ
 nhạy (% $\Delta Q <$ % ΔP)

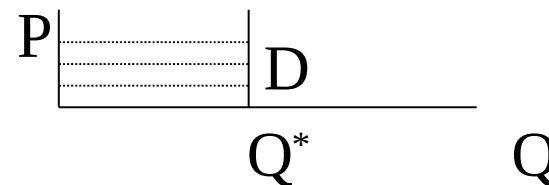
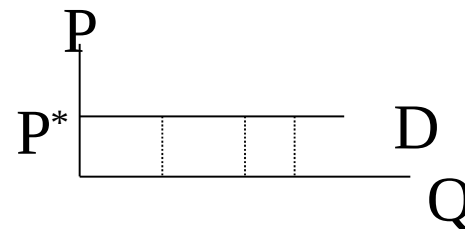
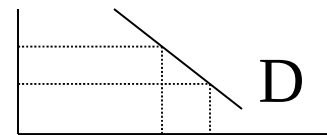
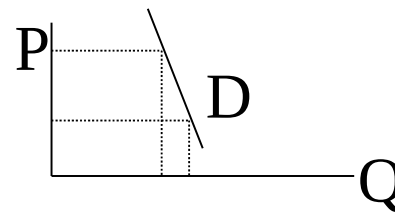
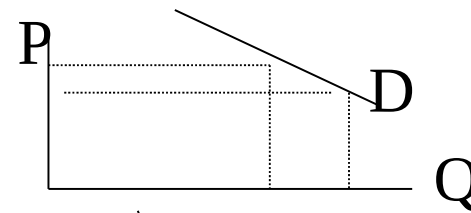
$|E_p| = 1$: Cầu có độ
 nhạy

đúng,

(% $\Delta Q =$ % ΔP)

$|E_p| = \infty$: Cầu hoàn toàn
 không nhạy, (% $\Delta P = 0$)

$|E_p| = 0$: Cầu hoàn toàn
 nhạy (% $\Delta Q = 0$)



C₂c nh©n tè ¶nh h-êng ®Ön e_{dp}

- *Sù s^{1/2}n cũ cũa húng hĩa thay thÖ: cũ nhiÖu húng hĩa thay thÖ th× hÖ sè co d·n cụng lín*
- *Tû lö ng©n s₂ch dịnh cho húng hĩa: tû lö cụng lín th× hÖ sè co gi·n cụng lín*
- *Thêi gian: th«ng th-êng trong dãi h¹n cÇu co gi·n nhiÖu h-n trong ng^{3/4}n h¹n*
- *B¶n chÊt cũa nhu cÇu mµ húng hĩa tháa m·n: nh×n chung húng hĩa xa xØ cũ hÖ sè co gi·n cao c c húng hĩa thiÖt vÖu Ýt*

2. HÖ sè co d·n cña cÇu theo thu nhËp (e_{di})

- *Kh, i niÖm*: Lµ phÇn trïm thay ®æi cña I-îng cÇu chia cho phÇn trïm thay ®æi cña thu nhËp

$$E_I = \frac{\% \Delta Q}{\% \Delta I} = \Delta Q / \Delta I \cdot I / Q$$

- *Ph©n lo¹i*:

* $E_I > 0$ hµng hãa th«ng th-êng

$E_I > 1$ hµng hãa xa xØ

$E = 1$ H² bình th¸ng

$0 < E_I < 1$ hµng hãa thiÖt yÖu

3. Co d·n chĐo cña cÇu (e_{py})

(CO DÃN CỦA D THEO P CẢ H²KHÁC

- *Kh, i niÖm*: Lũ phÇn tr'ĩm thay ®æi trong l-ĩng cÇu cña mét hũng hãa chia cho phÇn tr'ĩm thay ®æi trong gi, cña hũng hãa kia.

• ct

$$E_{xy} = \frac{\% \Delta Q_x}{\% \Delta P_y} = \Delta Q_x / \Delta P_y \cdot P_y / Q_x$$

- *Ph©n lo¹i*:

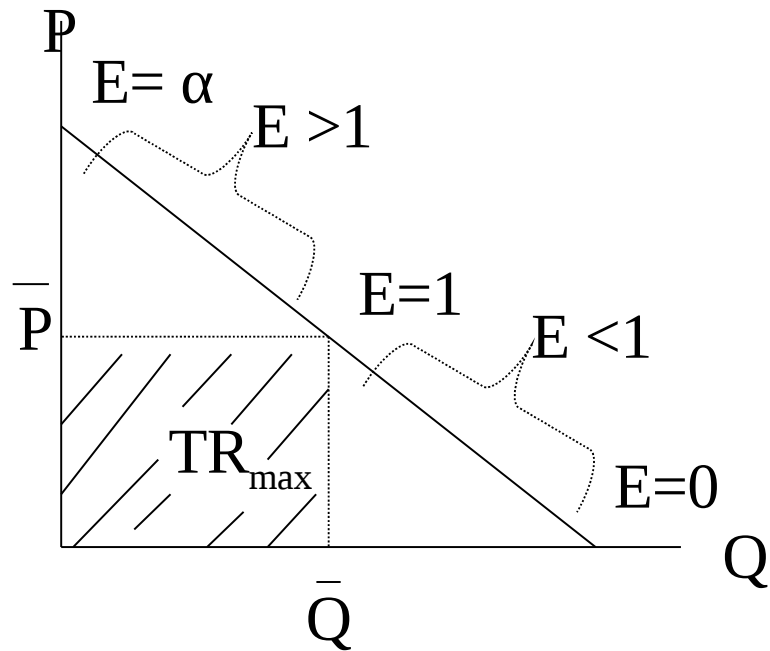
$E_{xy} > 0$: X vµ Y lũ hai hũng hãa thay thÖ

$E_{xy} < 0$: X vµ Y lũ hai hũng hãa bæ sung

ý nghĩa của hồ sơ công dân

- Mối quan hệ giữa hồ sơ công dân, gia đình và việc tăng doanh thu
- liên quan đến chính sách đa dạng hóa sản phẩm
- Chính sách thu hút đầu tư, giảm thuế
- Chính sách đầu tư và thương mại

Mối quan hệ giữa e_{dp} , p , tr



	P tăng	P giảm
$E > 1$	TR giảm	TR tăng
$E < 1$	TR tăng	TR giảm
$E = 1$	TR=const TR_{MAX} MR = 0	TR = const TR_{MAX} MR = 0

$TRmax$

khi hàm cầu là tuyến tính:

$$P^D = aQ + b$$

- $TRmax$ khi $TR'(Q) = 0$

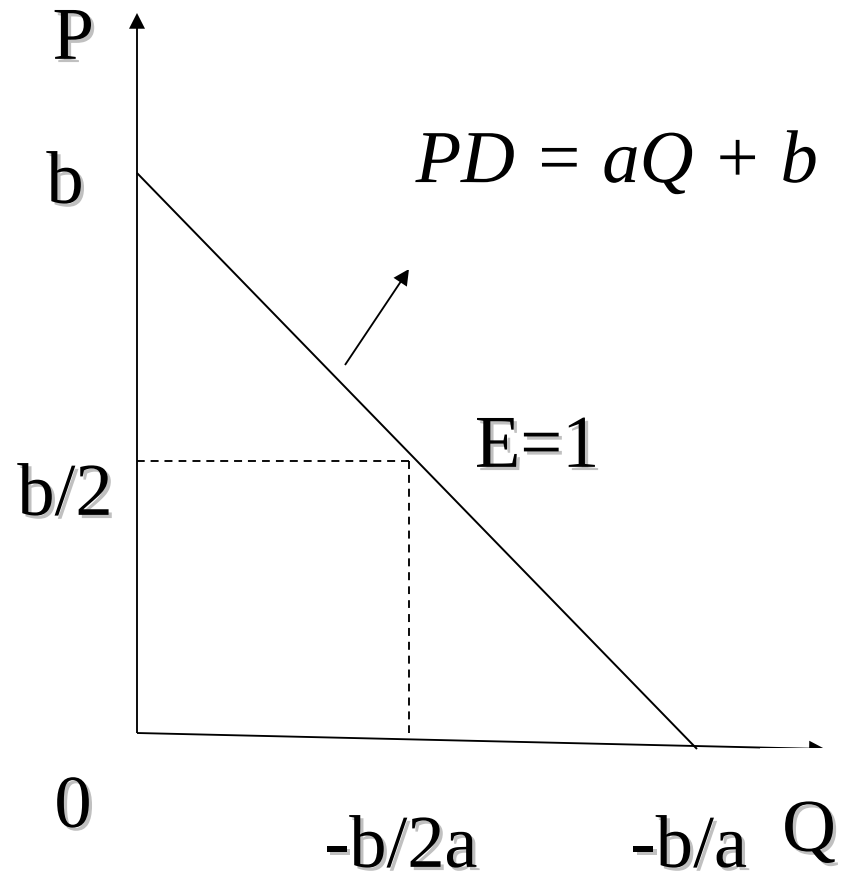
$$\begin{aligned} TR &= P^D \cdot Q = (aQ + b) \cdot Q \\ &= aQ^2 + bQ \end{aligned}$$

$$TR'(Q) = 2aQ + b$$

- $t-\text{ng } \text{ong } E = 1$

$$E = 1/P' \cdot P/Q$$

$$= 1/a \cdot b/2 / (-b/2a) = -1$$



1 số vđề cần qtâm

- Chiến lược chạy theo doanh thu:
ng bán ăñ hoa hồng
- K chạy theo doanh thu:
ng bán là ng sx: qtâm đến thuế
 - Nhà nước: nếu T là nguồn thu => tăng thuế
 - nếu là công cụ qlý => tăng, giảm T

liên quan đến chsách đa dạng hóa sp

- Các hình phạt chú ý c©n nh^{3/4}c chÝnh s, ch gi, c¶ ®èi víi nh÷ng húng hĩa cũ nhiÒu s¶n phÈm thay thÕ.
- Các hình phạt ®áng bẽ hĩa qu, trxnh s¶n xuÊt vµ ®a d¹ng hĩa trong kinh doanh ®èi víi nh÷ng húng hĩa bæ sung (trong c¶ s¶n xuÊt vµ tiªu dïng)

MQH CỦA E VỚI CHS HỐI ĐOÁI

Chs hối đoái là thuộc chs vĩ mô

- Quy định giá trị đồng nội tệ thấp so với đồng ngoại tệ \Rightarrow kh khích xuất khẩu
hạn chế nhập khẩu
- Và ngược lại
 \Rightarrow Xkh tăng ít, nhkh giảm ít \Rightarrow k cải thiện cán cân thương mại
 \Rightarrow Sẽ cải thiện khi $E_{DPX} + E_{DPI} > 1$

tủ gi, hẻi  o, i

- Được XĐ trên cơ sở cân bằng tiền tệ, CB này không chỉ của 1 nước mà thông qua cán cân thương mại qtế
 - Nếu muốn kích thích xuất khẩu: tỷ giá cao quy định gtrị đồng nội tệ thấp so với đ ngoại tệ
 - Nếu muốn bảo hộ sx trong nước: tỷ giá thấp quy định giá trị đ nội tệ cao so với đ ngoại tệ
- Cý: khi tỷ giá hối đoái do thị trường XĐ thì sẽ phụ thuộc vào S-D của đồng tiền=> k nước nào thả nổi hoàn toàn mà phải có điều tiết. gọi

VD: tỷ giá hối đoái $E_{a\$}$

tỷ giá hối đoái $E_{a\$}$ giữa 2 nước là giá cả mà 2 nước dựa vào đó 2 nước trao đổi buôn bán với nhau

- tỷ giá hối đoái $E_{a\$}$ danh nghĩa: là giá tương đối giữa 2 đồng tiền của 2 nước

$$E_{a\$}^N = 16^{\text{VND}}/\$$$

- Tỷ giá hối đoái thực tế (tỷ lệ trao đổi): là giá tương đối của hàng hóa và dịch vụ trao đổi giữa 2 nước
 - Nếu tỷ giá hối đoái giữa hàng nội và hàng ngoại thấp \Rightarrow người TD thích dùng đồ nội
 - Nếu cao (giá đắt) thì ngược lại

• Nhầm mớ

- Muốn tăng xuất khẩu, giảm nhập khẩu
=> phá giá đồng tiền
- + khi hàng trong nước trở nên quá rẻ: xuất khẩu
- + khi hàng nước ngoài trở nên quá đắt: giảm nhập
 - Được: cán cân thương mại được cải thiện
 - Mất: giá cả trong nước cao tác động đến đời sống nhân dân
- => để việc phá giá có Hq còn phụ thuộc vào S-D, E, cơ cấu mặt hàng nhập và xuất

CÁN CÂN THANH TOÁN

- Được cải thiện khi ĐK Marsh lerner

$$E_{DPX} + E_{DPI} > 1$$

N, X

E_{DPX} : E của hàng xkh theo P

E_{DPI} : E của hàng nkh theo P

- Xuất phát điểm từ nền KT kém pt

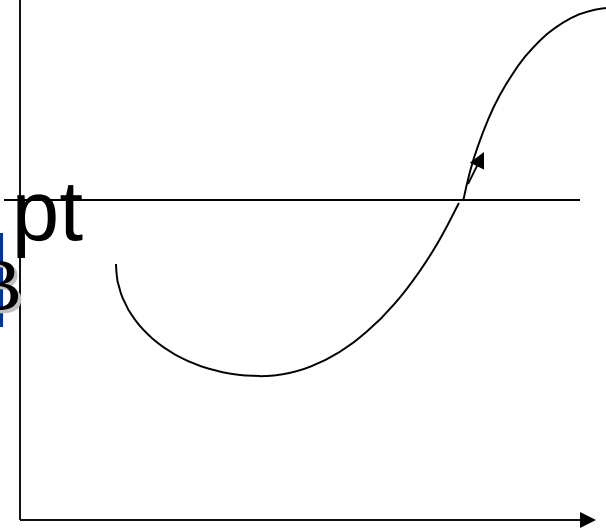
=>Đồng nội tệ mất giá

=>KT tiếp tục đi xuống

=>xuất khẩu =>S tăng

=>KT phát triển đi lên

CB



t

ChÝnh s, ch th- -ng m¹i

§èi víi nh- ñng húng trong n-íc kh«ng s¶n xuÊt ®-c cÇu th- êng lµ kh«ng co d·n. NÕu ®, nh thuÕ cao kh«ng cã ý nghÜa b¶o hé mµ chØ lµm t'ng gi, vµ cã thÓ dÉn tíi l¹m ph, t.

MQH GIỮA E_{di} VỚI CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

- Các chính sách kinh tế phải tính đến các vấn đề chính sách xuất khẩu các vùng theo thu nhập
- Khi thu nhập thay đổi phải chú ý đến chính sách xuất khẩu
- Sự dãn nở hàng nhập khẩu xuất khẩu ở các nước có ba véc tơ với hàng xuất khẩu ở các nước này rất đáng quan tâm.
- Trong chiến lược cạnh tranh: chú ý chất lượng sản phẩm

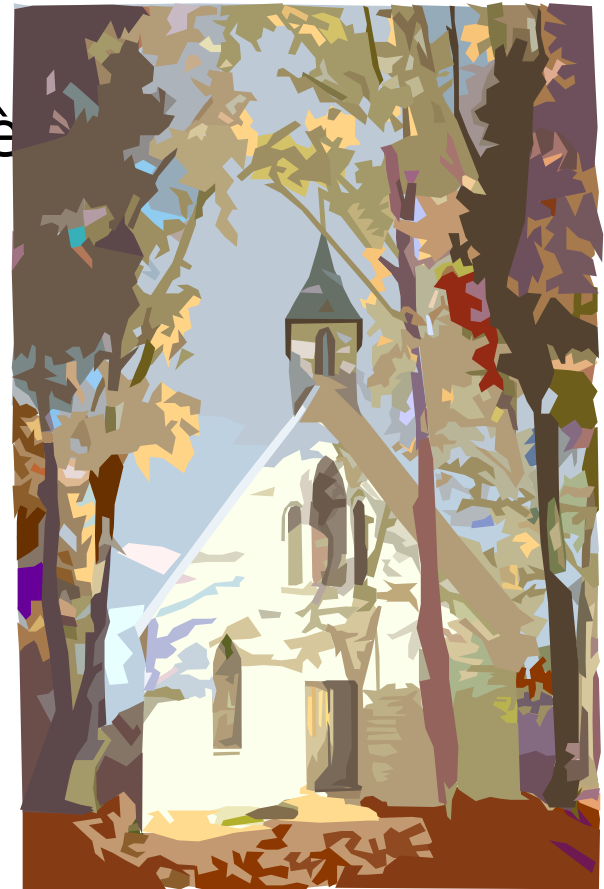
II. HỆ SỐ CO GIẢN CỦA CUNG THEO GIÁ (E_{SP})

- Lượng trịm thay Q của l- ng cung chia cho lượng trịm thay Q trong giá, của h ng h $ã$ (c, c nh $©$ n t $ê$ kh $«$ ng Q).

- $$E_p^S = \frac{\% \Delta Q_s}{\% \Delta P} = \Delta Q / \Delta P \cdot P / Q$$

- *Ph $©$ n lo 1 i:*

- Cung co d \cdot n
- Cung Ýt co d \cdot n
- Cung co d \cdot n Q -n v P
- Cung co d \cdot n h o m t o m
- Cung h o m t o m kh $«$ ng co d \cdot n



C, c y \tilde{O} u t \grave{e} \mathbb{R} nh h- \grave{e} ng

$$E_{SP}$$

- S \grave{u} thay th \tilde{O} c \grave{n} a c, c y \tilde{O} u t \acute{e} s \mathbb{R} n xu \hat{E} t
 - n \tilde{O} u h \grave{u} ng h \grave{a} a \mathbb{R} - \acute{i} c s \mathbb{R} n xu \hat{E} t b \acute{e} i m \acute{e} t y \tilde{O} u t \acute{e} s \mathbb{R} n xu \hat{E} t duy nh \hat{E} t th \times
 $E_{SP} = 0$
 - **N \acute{e} u ng \acute{u} oi sx chấp nhận bán 1 mức giá cho mọi mức sản lượng thì $E_{SP} = \alpha$**

$$E_{SP} \propto n g^{3/4} n h^1 n$$

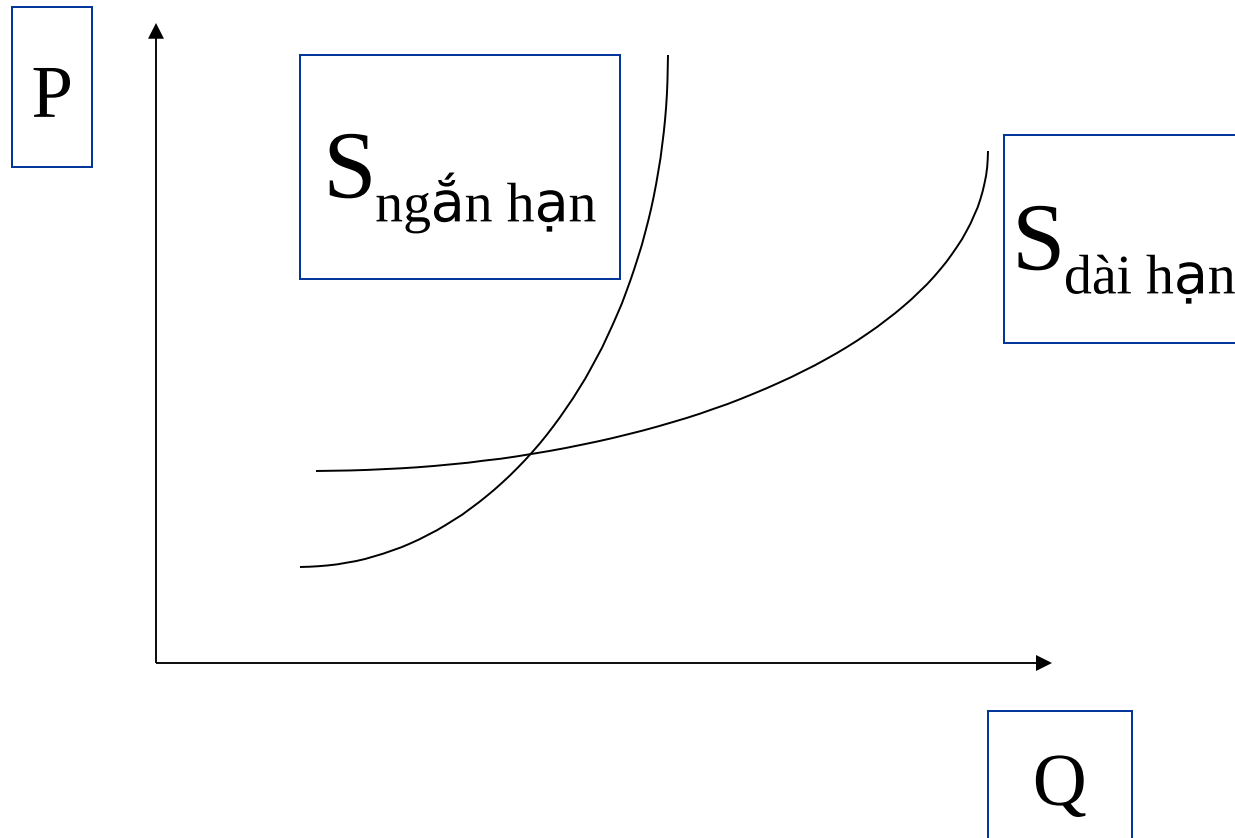
- Khi P tăng
các hằng tăng thuê LĐ
hoặc tăng giờ làm
- Và ngược lại
 $\Rightarrow E_{SP} < 1$
ít co dẫn

E_{SP} dµi h^1n

- Co dẫn nhiều hơn
- Vd: gieo trồng trên diện tích đất nông nghiệp, phải cần t dài => thu hoạch

SO SÁNH E_{SP} trong ngắn hạn và dài hạn

- Vd: gieo trồng lạc



ý nghÛa

- §a d¹ng hãa mÆt húng xuÊt khÈu
- C«ng nghiÖp hãa ®Ê gi¶m sù tæen th-—ng cña c,c ngµnh s¶n xuÊt cã ¶nh h-ëng nhiÖu bëi m«i tr-êng

BT: ThP tr-êng s¶n phÈm X ®-íc coi lµ c¹nh tranh cũ hµm cung vµ $P^S = 10 + Q$, cầu bề nó là 1 đường thẳng có độ dốc là -1 và ở mức giá là 20 thì hệ số co dãn của D theo giá là -0,5.

1. ViÕt ptr đường D.
2. TÝnh gi, vµ s¶n l-îng c©n b»ng. TÝnh thÆng d- tiªu dïng vµ thÆng d- s¶n xuÊt t¹i m¸c gi, c©n b»ng.
3. NÕu chÝnh phñ Ên ®Pnh gi, lµ 30. §iÒu g× x¶y ra trªn thP tr-êng? TÝnh thÆng d- tiªu dïng vµ thÆng d- s¶n xuÊt t¹i m¸c gi, này.
4. Vĩ minh hãa các kq đã tính được.